

VIÊN-ÂM

NGUYỆT SAN

CƠ-QUAN HOẢNG-PHÁP của HỘI VIỆT-NAM PHẬT-HỌC



Năm thứ 10. Số 100-101. Ngày 13-2-54 (18-12-1953) L. 2513

Hội-Đồng Kiểm-Duyệt Giáo-Lý Phật-Giáo Trưng-Kiệt
và Tổng-Trị-Sự Hội Việt-Nam Phật-Học



Handwritten signature

MỤC LỤC

- 1) Lời nói đầu *Viên-Âm*
- 2) Ưu-Bà-Tắc số 5 (*Kinh-học*) *Thích Tri-Quang*
- 3) Xung quanh vấn-đề Sát-sanh *Viên-Âm*
- 4) Khô *Thích Thuyền-Minh*
- 5) Với Giáo-lý phải suy-nghiệm mới lý giải rõ ràng *Thích Tuyết-Son*
- 6) Tham thiền theo Phật-giáo *Cư-sĩ Quảng-Luân*
- 7) Những mẫu chuyện đạo *Thích Minh-Châu*
- 8) Diên-Vấn
- 9) Tin tức
- 10) Danh sách Ban Tổng Trị-Sự

GIÁ : 10\$00

LỜI NÓI ĐẦU



Đề kỷ niệm ngày thành đạo của đức Bồn Sư THÍCH CA và ngày kỷ niệm đức DI-LẶC từ tôn, chúng tôi cho ấn hành TẬP-SAN VIÊN-ÂM gồm có hai số này. Luôn tiện cũng đề đánh dấu một năm củ khó khăn và bước qua một năm mới khó khăn hơn. Tinh thần từ-bi trí-tuệ của Phật-Pháp hiện đang sống giữa những áp lực từ ba bên bốn bề đồn dập tới, chúng ta thấy khó khăn đến bực nào. Nhưng chúng ta tự biết con đường phải đi. Chúng ta tin ở việc làm của chúng ta có hiệu quả mãnh liệt là bảo vệ sự sống con người in như cây grom đã tàn sát sự sống. Grom giáo tàn sát, việc ấy rõ ràng; từ bi bảo vệ, việc ấy cũng dĩ nhiên.

Trong một năm vừa qua đây, tình hình Phật Học tiến triển khắp các nơi. Phật Học Miền-Nam đã thành lập, nền Phật-Giáo Thống-Nhất của Việt-Nam đã đặt móng, Phật-Giáo Quốc-Tế đã xiết chặt. Tất cả việc làm phải tới một cách tự nhiên, đồng thời với sự diên đảo của thời thế: Trong khi tự do và sự sống của con người đang bị sự diên đảo đưa tay bóp chết thì Phật Học phải đưa tay cản trở. Và chúng ta hãy làm trọn nhiệm vụ

của Phật-Giáo chúng ta, cản trở đến kỳ cùng để bảo vệ sự sống của nhân loại.

Lửa thành đạo của đức Bôn-Sur phối hợp với lửa đại từ của đức Từ-Tôn, sẽ tiêu diệt thần lửa chiến tranh đang sờ tay bóp xiết nhân loại. Lửa thành đạo sẽ hướng dẫn loài người thoát ngoài vòng manh động của ngã chấp, lửa đại từ sẽ chỉ đạo chúng ta bước tới sự sống hỗ trợ sinh tồn. Chúng ta, giờ đây, phải cố sức nhen nhúm ngọn lửa ấy lên cho cao, cho to, cho nhân loại bắt tay nhau sống trong tình đồng loại không ai anh ai hết, không ai em ai hết, ai cũng như ai, có nhiệm vụ mưu sống một cuộc « lợi ích chung ».

Bức tranh cuộc đời con sáo sắp mổ con giun, con ó sắp tấp con sáo. Bức tranh ấy, chúng ta, những Phật tử đúng danh đúng nghĩa, không thể để cho nó tồn tại được với hai câu « mạnh hiếp yếu », « mạnh được yếu thua ».

Và chỉ có cử chỉ ấy — cử chỉ dùng từ bi trí tuệ ấy mới tiêu diệt chiến tranh. Chúng ta không thể tin rằng chiến tranh diệt được chiến tranh, dầu chiến tranh dưới hình nào và bằng danh nghĩa gì.

Toàn thể Phật tử! Chúng ta hãy cố gắng hết sức bình sinh, đánh mạnh tiếng hồng chung Phật - Pháp lên để lấn át tiếng súng đại bác của chiến tranh đi.

U'U BÀ TẮC GIỚI

(số 5)

THÍCH TRÍ-QUANG

VI. — NGHIỆP NHÂN 32 DIỆU TƯỚNG.

— Bạch đức Thế-Tôn! Năng lực vĩ đại của thân như Thế-Tôn đã dạy trên khi nào thành tựu ?

-- Thiện nam tử! khi bắt đầu thực hành nghiệp nhân 32 diệu tướng.

Thiện nam tử! Bồ tát khi thực hành nghiệp nhân ấy rồi thì được tên Bồ tát, gồm với tên ấy lại được hai định, là định trí giác và định các cõi; lại được hai định nữa, là định biết rõ túc mạng, định sinh nhân chánh pháp. Thiện nam tử! Vì được những thứ định ấy nên từ khi bắt đầu thực hành nghiệp nhân 32 diệu tướng cho đến lúc được vô thượng chánh biến giác, trung gian Bồ tát học hỏi không bao giờ chán. Bồ tát thực hành mỗi diệu tướng đều có trăm phước đoanh vây; trăm phước là khi thực hành có 50, khi đầy đủ có 50.

Thiện nam tử! tất cả phước đức thế gian không bằng phước đức tạo nên một sợi lông của Như-Lai, phước đức của tất cả sợi lông không bằng phước đức tạo nên một tùy hảo, gồm tất cả phước đức của 80 tùy

hào không bằng phước đức tạo nên một diệu-tướng, phước đức của tất cả diệu tướng không bằng phước đức tạo nên diệu tướng lông giữa mày trắng và sáng, phước đức tướng lông giữa mày trắng và sáng lại không bằng phước đức tạo nên diệu tướng đánh không thể thấy.

Thiện nam tử ! Trong vô số kiếp, Bồ tát luôn luôn vì chúng sinh thực hành các lợi ích vĩ đại, chí tâm thực hành tất cả điều thiện ; thế nên khi thành Phật-đà đầy đủ vô biên phước đức. Thiện nam tử ! Ba mươi hai diệu-tướng là kết quả của đại bi. Chuyển luân vương tuy có diệu tướng ấy nhưng tướng không rõ rệt, không đầy đủ. Thể chất của nghiệp nhân ba mươi hai diệu tướng là động tác của thân, miệng, ý. Thực hành nghiệp nhân ấy không phải ở loài trời, không phải ở Câu-lô-châu, chỉ ở ba châu loài người, mà chỉ đàn ông chứ không phải đàn bà. Bồ-tát đại sĩ thực hành nghiệp nhân ấy rồi là đầy đủ ba vô số kiếp, bước tới vô thượng biến giác,

Thiện nam tử ! Xưa tôi nơi đức Phật Bảo-Đảnh đầy đủ vô số kiếp thứ nhất, nơi đức Phật Nhiên-Đặng đầy đủ vô số kiếp thứ hai, nơi đức Phật Ca-Diếp đầy đủ vô số kiếp thứ ba. Thiện nam tử ! Xưa nơi đức Phật Thích Ca tôi bắt đầu phát tâm bồ đề, phát tâm ấy rồi phụng sự hàng sa Phật-đà, gieo trồng vô lượng thiện căn, thực hành Chánh-pháp, nghiêm giữ tịnh giới, nhất tâm tinh tiến, học hỏi nghe nhiều. Thiện nam tử ! Bồ tát đại sĩ thực hành nghiệp nhân 32 diệu tướng rồi, rõ ràng tự biết mình quyết định được vô thượng biến giác, như ngó trái cây trong lòng bàn tay.

Thiện nam tử! Nhưng nghiệp nhân diệu tướng tuy quyết định mà thời gian thực hành thì không cần. Cho nên có người nói Như-Lai được tướng mắt biếc sáng trước hết, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp đem mắt lành mà ngộ chúng sinh nên được tướng ấy rồi tuần tự được các diệu tướng khác; Có người nói Như-Lai được tướng âm thanh trong rõ trước hết, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp đem lời dịu-dàng, lời hỏi trước, lời chân thật mà giáo hóa chúng sinh, nên được tướng ấy rồi tuần tự được các diệu tướng khác; có người nói Như-Lai được tướng đánh không thể thấy trước hết, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp phá dẹp kiêu ngạo, đem đầu đánh lễ kính phụng sự sư - trưởng Phật-đà, nên được tướng ấy rồi tuần tự được các diệu tướng khác; có người nói Như-Lai được tướng lông giữa mày trắng và sáng trước hết, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp không lừa dối tất cả muôn loài, nên được tướng ấy rồi tuần tự được các diệu tướng khác. Thiện nam tử! Trừ chư Phật Thế-Tôn không ai nói được nghiệp nhân của diệu tướng.

Thiện nam tử! Có người nói theo thứ tự như thế này: Như Lai trước hết được tướng dưới chân bằng thẳng rồi tuần tự được các tướng khác, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp bố thí, giữ giới, tu đạo, mà tâm trí bất động, nên trước hết tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng tay chân chỉ tròn, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp phụng sự cha mẹ, sư trưởng, thiện hữu tri thức, ủng hộ chúng sinh như lời Phật dạy, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ

được hai tướng là ngón tay von dài, gót chân dày dạn và bàn chân dày dạn, tại sao, vì khi làm Bồ tát thì chí tâm nghiêm giữ hai giới ưu bà tắc thứ nhất và thứ tư, nên được hai tướng ấy. Được hai tướng ấy rồi thứ được tướng thân thể dày đặc, tại sao, vì khi làm Bồ tát khéo vâng tất cả giáo huấn của sư trưởng, cha mẹ, thiện hữu tri thức, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng tay chân có mạng lưới, tại sao, vì khi làm Bồ tát đem bốn nhiếp pháp, nhiếp hóa chúng sinh, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng tay chân có mạng lưới, tại sao, vì khi làm Bồ tát đem bốn nhiếp pháp, nhiếp hóa chúng sinh, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng tay chân mềm dịu, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp đem tay, rửa đồ nhớp đi xoa đồ thơm vào thân thể sư trưởng, cha mẹ, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng lông toàn thân hướng lên, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp khuyến hóa chúng sinh, thực hành điều thiện, bố thí giữ giới, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng cổ chân đẹp, tại sao, vì khi làm Bồ tát chí tâm nghe pháp, chí tâm nói pháp với mục đích phá hoại tội lỗi sinh tử, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng thân thể cao thẳng cân đối, như câu-ni câu-dà, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp đem thuốc cho bệnh chúng sanh nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng tay qua đầu gối, tại sao, vì khi làm Bồ tát không bao giờ lừa dối hiền thánh, sư trưởng, cha mẹ, thiện hữu, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng nam căn ăn mật, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô


số đời kiếp che chở những người khiếp sợ, tâm quý không nói lỗi người, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng da mịn mỗi lỗ một lông, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp thân cận trí giả, thích nghe thích bàn, nghe bàn rồi thích thực hành, thích chữa đường sá, thích trừ khử gai góc, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng thân sắc vàng, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp bố thí đồ ăn đồ mặc đồ nằm nhà ở và ánh sáng, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng bảy chỗ cân đối đầy đặn, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp không giận sự đáng giận, bố thí như ý chúng sinh, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng khớp xương đầy đặn, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp khéo biết điều thiện điều ác, nói không sai lầm, không nói vô nghĩa, điều đáng làm thì giải thích, điều không đáng thì không vọng truyền, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được hai tướng là thân dáng như thân sư-tử, thân oai như mặt sư tử, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp không nói ly gián, không kích thích người nói, nên được hai tướng ấy. Được hai tướng ấy rồi thứ được ba tướng là răng bốn chục, răng dài trắng, răng bằng khít, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp đem mười thiện nghiệp khuyên dạy chúng sinh, chúng sinh theo, rồi tâm rất hoan hỷ, ưa thích tán thán công đức mọi người, nên được ba tướng bốn răng cửa trắng tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp thực hành từ-bi, ưa nghe điều thiện, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng trong cổ thường có diệu vị, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp không chờ người

xin mới đem bố thí, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được hai tướng là đầu có gò thịt, lưỡi rộng và dài, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp chỉ tâm thực hành mười thứ thiện nghiệp và đem giáo hóa chúng sinh, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng âm thanh trong rõ, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp không nói thô ác, khuyên người cũng vậy, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được hai tướng là mắt sắc biếc và mắt lạnh sáng, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp đem mắt từ bi bình đẳng xem, ngó người thân kẻ thù, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi thứ được tướng lông giữa mày trắng và sáng, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp tuyên nói Chánh pháp chân thực bất hư, nên được tướng ấy. Được tướng ấy rồi cuối cùng được tướng đánh không thể thấy, tại sao, vì khi làm Bồ tát vô số đời kiếp đem đánh đầu kính lễ hiền thánh, sư trưởng, cha mẹ, tôn trọng cung kính tán thán phụng sự, nên được tướng ấy.

Thiện nam tử! Bồ tát có hai, có vị tại gia có vị xuất gia. Xuất gia Bồ tát thực hành nghiệp nhân của diệu tướng như vậy, điều ấy không khó, tại gia Bồ tát thực hành mới rất khó khăn, tại sao, vì người tại gia bị vô số những điều ác liệt bao vây.

CHÚ THÍCH.

Ba mươi hai diệu tướng: 1 — Dưới chân bằng phẳng, 2 — Dưới chân chỉ tròn, 3 — Ngón tay von dài, 4 — Gót chân đầy đặn, 5 — Bàn chân đầy đặn, 6 — Thân thể đầy đặn, 7 — Tay chân có mạng lưới, 8 — Tay chân mềm dịu.

9 - Lòng toàn thân đều hướng lên. 10 - Cò chân đẹp. 11 - Thân thể cao thẳng cân đối. 12 - Tay quá đầu gối. 13 - Nam căn ăn mật. 14 - Da mịn, mỗi lỗ một lông. 15 - Thân thể sắc vàng. 16 - Bảy chỗ đầy đặn cân đối. 17 - Khớp xương đầy đặn. 18 - Thân dáng như thân sư tử. 19 - Thân oai như mặt sư tử. 20 - Răng bốn chực. 21 - Răng dài trắng. 22 - Răng bằng khít. 23 - Bốn răng cửa trắng. 24 - Trong cổ thường có diệu vị. 25 - Đầu có gò thịt. 26 - Lưỡi rộng và dài. 27 - Âm thanh trong rõ. 28 - Mắt sắc biếc. 29 - Mắt lạnh sáng. 30 - Lòng giữa mày trắng và sáng. 31 - Đảnh không thể thấy. 32 - Ngực có dấu  (Trong kinh lược đi tướng này). 32 thứ này tốt đẹp quý báu nên gọi là diệu. 32 thứ này gọi chung là tướng, nhưng thật ra có thứ là một cái tướng, chứ có thứ là một cái dáng, có thứ là một sự.

Định trí giác: Chí cầu vô thượng giác không thoái chuyển.

Định các cõi: Tự tại qua lại ba cõi mà không đoạ.

Biết rõ túc mạng: Biết rõ các giai đoạn quá khứ của sinh mạng.

Sinh nhân chánh pháp: Nhân chánh pháp là chánh giải nhờ chánh giải mà thể nhập chánh pháp nên gọi là nhân.

Định sinh nhân chánh pháp là định có năng lực phát sinh chánh giải.

Trăm phước: 10 thiện nghiệp đều có 5 thiện căn thành 50; khi tu, khi đủ đều có 50 nên thành 100.

Chuyển luân vương: Vua lấy chánh pháp cai trị. Vua đây nghĩa là người thủ lãnh quốc gia.

Ba châu loài người: Phật Pháp nói loài người có 4 châu. Núi Tu Di là trung tâm, nam là châu Diêm Phù (chúng ta ở đây), đông là châu thắng thần (chú trọng tinh thần), tây là châu ngư hóa (lấy trâu thay tiền tệ) và bắc là châu Câu-lô (độc lạc khá nhất). Đây nói 3 châu loài người là trừ châu Câu-lô ra vì độc lạc thì không thể thực hành nghiệp nhân diệu tướng được.

Ba vô số kiếp: Đường tu chúng có ba giai-đoạn: từ khi phát tâm bồ đề (sơ trú) đến khi chân kiến đạo (sơ địa) là một, từ khi kiến đạo đến vô công dụng (bát địa) là hai, từ vô công dụng đến di thực không (Phật quả) là ba. Qua ba giai đoạn ấy, phải rất nhiều thời gian nên gọi là vô số kiếp.

Phật Thích Ca: Một vị Cồ Phật mà đức Bồn sư⁷Thích Ca đã gặp.

Đại sĩ: Dịch ý chữ mahatát; nghĩa là người có năng lực và trí tuệ vĩ đại.

Bốn nhiếp pháp: 1/ Bỏ thí: hy sinh tài-sản, 2/ Ái ngữ: lời nói hợp lý, 3/ Lợi hành giúp ích mọi người, 4/ Đồng sự: phụ dịch công vụ.

Bảy chỗ cân đối: Bảy chỗ là đầu, ngực, bụng, hai tay, hai chân.

«XUNG QUANH VẤN-ĐỀ SÁT SANH»

L. T. S. — Trên tạp chí VIÊN ÂM này, chúng tôi đã nhiều lần nói đến vấn đề ấy. Gần đây Thanh-Vân cư sĩ đưa ra trên tạp chí BỒ-ĐỀ và Giải-Ân cư sĩ biện luận lại (bằng bức thư gửi cho tạp chí B. Đ.) sau đây.

Xem nguyên văn của cư sĩ Thanh-Vân và lời bình của cư sĩ Giải-Ân, chúng tôi biết mỗi vị có một lập trường. Riêng cư sĩ Thanh-Vân lại có một đường lối rõ-rệt (mà đường lối ấy rất cần phải xét lại).

Căn cứ trên lập trường Phật-Pháp, chúng tôi không thể tán thành lập trường của cư sĩ Thanh-Vân cũng như không thể phủ nhận lập-trường của cư sĩ Giải-Ân. Tuy nhiên lời của vị nào cũng chỉ đúng về một phương diện của Phật-Pháp mà thôi.

Trước hết, điều mà cư sĩ Thanh-Vân và cư sĩ Giải-Ân cần phải phân biệt là GIỚI khác với DIỆU-HẠNH. Giới là điều thiện ở sự thệ nguyện vĩnh-viễn thọ trì, diệu hạnh là điều thiện ở sự thật hành trong phạm vi không gian và thời gian. Thí dụ như «không sát sanh» mà nói về phương-diện «giới» thì đã thệ nguyện suốt đời thọ trì và không sát tất cả sinh mệnh thì không lúc nào được giết sinh vật chi, vì duyên có gì cả; nhưng nói về phương «diệu hạnh» thì khác: lúc nào với một sinh vật chi mà từ bi không sát hại thế là một diệu hạnh rồi, chứ không kể lúc nào với sinh vật chi cũng phải giữ. Nói vắn tắt, một bên là thệ nguyện, một bên là tùy tâm; một bên là suốt đời, một bên chỉ có lúc. Cái điềm chánh này đã rõ rồi, thì biết lập trường của hai vị cư sĩ bên nào cũng có chỗ khuyết điềm cả.

Nhưng cảm mến tinh thần hộ trì chánh pháp của cư sĩ Giải-Ân, chúng tôi đành lời biện luận của người sau đây. Đọc lời ấy, đọc giả thấy ít ra cũng được một điều gì gọi là thuần túy. Riêng chúng tôi, chúng tôi sẽ căn cứ Phật-Pháp vắn tắt trình bày một vài điều cần về giới «bất sát».

Đà-Nẵng, ngày 26 tháng 12 năm 1950

Kính gởi Ông VẤN-QUANG-THÙY,

Chủ-nhiệm kiêm Chủ-bút « BỒ-ĐỀ Bán-nguyệt-san »

Thưa Ông,

Tôi đọc Quý San « BỒ-ĐỀ » số 29 ra ngày 10-11-50, về mục « Phật-học thời-dàm » có bài « Bất tàn sát » của Ông Thanh-Vân luận về Giới-sát.

Thấy sự luận-biện của Ông Thanh-Vân đã không đúng Phật-pháp mà lại có hại cho những hàng Phật-tử sơ-cơ, nên bất-dắc-dĩ tôi phải viết bài này nhờ Ông vui lòng đăng lên Quý Nguyệt-san BỒ-ĐỀ hầu mong hải-nội Phật-tử xét những đoạn-văn của Ông Thanh-Vân mà phán-đoán những lời phê-bình của tôi để đưa quý Độc-giả Phật-tử hoặc là chưa vào hàng Phật-tử đều được về chỗ chính-tín.

Trong bài « BẤT TÀN SÁT ». Ông Thanh-Vân nói : « Bàn về đạo Phật thì ai cũng nghĩ ngay đến việc ăn chay, « giới sát. Có người tuyên-bố : nhà Phật cấm hẳn việc sát-sinh. « Hai tiếng « sát-sinh » không được rõ nghĩa. Ta cần xét lại « kinh-sách về diêm này và suy-luận cho đến nơi ».

Xin phê-bình. — Trong luật Phật dạy giới cấm thứ nhất « Bất sát sinh ». Giải rằng : Trên từ các Đức Phật, các vị Thánh, các vị Sư, Tăng cùng cha, mẹ, dưới đến các loài bò, bay, mảy, cựa, côn-trùng vi-tế, phàm có tính-mạng, chẳng nên cố-ý giết hại. Hoặc tự tay mình giết, hoặc bảo người khác giết, hoặc thấy người khác giết mà sinh lòng hoan-kỷ.

Luật nhà Phật chế ra đã dạy rõ-ràng như vậy mà sao ông Thanh-Vân nói : « Hai tiếng « sát-sinh » không được rõ nghĩa ? ta cần xét lại kinh-sách về diêm này và suy-luận cho đến nơi ». Tôi thật không hiểu chỗ sở-kiến của Ông Thanh-Vân ra thế nào mà nói những lời mâu thuẫn như vậy ?

Ông nói : « Trong kinh nhà Phật, trong việc tu-dưỡng, phải « kiêng năm điều gọi là Ngũ-giới như sau này :

- « 1) Bất tàn-sát nhi nhân ái,
- « 2) Bất thâu-đạo nhi nghĩa lợi,
- « 3) Bất tà dâm nhi lễ-tiết,
- « 4) Bất khi vọng nhi thành-tín,
- « 5) Bất ảm tửu nhi điều-thiện tâm thân.

« Hai tiếng « Sát-sinh » không thấy nói trong ngũ-giới, sát là giết ; sinh là vật có sống. Vậy cấm sát-sinh là cấm giết những vật có sống. Nếu quả là đạo Phật cấm sát-sinh như người ta vẫn thường nói, thì những người tu-hành sẽ không được ăn cả rau, đậu nữa, bởi vì thảo-mộc cũng là loài có sống chưa kể rằng khoa-học mới ngày nay đã coi những hợp-kim (alliage) như là gồm các tế-bào mà người ta cần phải nghiên-cứu theo cách-thức nghiên-cứu tế-bào sinh-vật ». (1)

Xin phê-bình. — Luật đề kết các giới ; giới là y theo luật mà thọ-trì. Sao Ông Thanh-Vân không xem luật của nhà Phật mà đã nói hai tiếng « sát-sinh » không thấy nói trong ngũ-giới ? Như thế thì Ông Thanh-Vân xem bộ luật nào mà nói « bất tàn sát » chứ không phải « bất sát sinh », hay là Ông chỉ ước-đoán như vậy ?

Đạo Phật cấm tuyệt sự sát-sinh ; còn rau, đậu là thuộc về loài thực-vật, Đạo Nho cũng công-nhận ở thế-gian có ba loài : 1) Động-vật (các thứ bò, bay, máy, cựa, 2) Thực-vật (các thứ thảo-mộc) ; 3) Khoáng-vật (các thứ sắt, đá, bạc, vàng, v.v.. Xem như vậy thì biết con lợn, con gà, thuộc về loài động-vật ; còn ngọn rau, hạt đậu thuộc về loài thực-vật. Đem một loài biết đau, khổ, rên, la, mà so-sánh với một loài vô-tri, vô-giác, thì thật mờ-hò, không đúng với lẽ-phải. Huống-chi chữ « sát » là dùng để chỉ sự « cắt đứt sinh-mạng của loài hữu-tình » chứ không phải nói về loài vô-tình. Người ta nói « sát-sinh » « sát-nhân » « sát-súc » chứ không thể nói « sát-thảo », « sát-mộc ». Sao Ông Thanh-Vân không cố-gắng hiểu dùm.

(1) trích sách « La recherche de la Vérité » của E. Arnaud, trang 129 ».

Ông là người tu Đạo Phật, mà sao không biết theo giới-luật nhà Phật, lại theo lý-thuyết của E. Arnaud ? E. Arnaud đã được chính-dưỡng, chính-giác chưa ? hay là một người chưa thọ được một giới nào cả, mà đã là người chưa thọ được một giới nào cả thì lại thua kém Ông Thanh-Vân rồi. Ở trên đời này có ai đem tôn một kẻ thua mình lên làm thầy mình hay không ? Đã là người muốn học đạo, thì nên học với người hiểu đạo hơn mình.

Ông nói : « Thực ra thì luật giới sát đúng như câu : « Bất tàm sát nhi nhân ái, » Thế nào là tàm-sát ? Tàm-sát là giết hại « một cách vô lý, giết vì sự hung-ác, tàn bạo. Vậy nhà Phật « chỉ khuyên ta nên yêu mến mọi người và đừng tàn-sát. Thế nghĩa « là nhà Phật không nhất thiết cấm hẳn việc giết sinh vật, (gồm « cả người !) Tuy không có lời Kinh nói rõ hẳn như thế. Nhưng « câu « Bất tàm-sát » cho phép ta hiểu như thế ! Và chẳng, có một « điều nữa trong căn bản của Đạo Phật bắt ta phải nhận như thế : « ấy là luân lý nhà Phật !

Xin phê bình. — Đã tự xưng là Phật-tử, thì phải hiểu rõ luật-nghi của Nhà Phật. Mỗi khi đàm-luận phải y-cứ điều-chương, nói năng điều gì cần theo Kinh luật. Trong Kinh Ưu-Bà-Tắc-Giới, phẩm thọ-giới nói : « Ưu-bà-tắc có sáu trọng pháp ; Thiện nam-tử ! giới Ưu-bà-tắc, dù vì thân-mạng cho đến con kiến đều không nên giết hại. Nếu thọ giới rồi mà hoặc bảo người giết hoặc tự mình giết người ấy tức mất giới Ưu-bà-tắc ; người ấy còn không thể được « Noãn-pháp », huống chi là Tu-dà-Hoàn, A-na-hàm. Ấy gọi là kẻ « phá giới Ưu-bà-tắc » « Chiến-dà-la Ưu-bà-tắc », « cầu Ưu-bà-tắc », kết Ưu-bà-tắc. Đó gọi là trọng pháp đầu tiên.

Lại trong Đại-trí-dộ luận, Phật dạy : « Sát sinh có mười tội : 1 là tâm thường ôm lòng độc-dữ, đời đời không dứt ; 2 là chúng sinh oán ghét, mắt không ưa nhìn ; 3 là thường niệm điều ác, suy nghĩ việc dữ ; 4 là chúng sinh sợ hãi như thấy rắn, cạp ; 5 là khi ngủ tâm thường lo sợ, lúc thức cũng chẳng an ; 6 là thường có mộng dữ ; 7 là khi mạng gần chung, cố gắng sợ chết dữ ; 8 là trông nhân duyên chết yểu ; 9 là bị vào địa ngục ; 10 là được làm người thường bị chết non.

Trong Kinh Lăng-Già, Phật dạy : « Người ăn thịt đoạn mất giống từ bi. Ta thấy rõ chúng sinh luân hồi trong sáu đường, thay thế nhau làm cha, mẹ, sáu thân quyến thuộc, cùng ăn thịt lẫn nhau, không ai là không phải thân thích. Thường sinh tâm sát-hại thì tăng trưởng nghiệp khổ, xoay vần trong đường sinh tử, không có ngày ra khỏi. Không ăn thịt thì không có người sát sinh.

Trong Kinh Thập-Thiện, Phật dạy : nếu không sát sinh thì thành tựu 10 pháp lìa khổ : 1 là đối với chúng sinh, bố-thí pháp vô-úy khắp nơi ; 2 là thường khởi tâm đại từ ; 3 là dứt hẳn các món tập khí sâu hận ; 4 là thân thường không có bệnh ; 5 là thọ mạng lâu dài ; 6 là thường được hàng Phi-nhân ủng hộ ; 7 là thường không có ác mộng thức ngủ được an vui ; 8 là dứt trừ oan kết ; 9 là không sợ đường ác ; 10 là sau khi chết được lên cõi trời.

Các Kinh nói rất nhiều, không thể kể xiết ; chỉ lược một ít để làm bằng cứ đó thôi. Thế mà ông Thanh-Vân dám nói : « Phật không cấm hẳn việc giết sinh vật ! rồi ông luận biện rằng : « Tuy không có lời kinh nói rõ hẳn như thế, nhưng câu « Bất tàn sát » cho phép ta hiểu như thế » !

Có lẽ « cho phép » một mình ông Thanh-Vân hiểu như thế ? chứ toàn thể tín đồ Phật-Giáo trên quả địa cầu này không ai hiểu như thế đâu.

Ông lại nói : « Như ta đã rõ, luân lý nhà Phật dựa vào tâm ý mà phân biệt thiện ác, chứ không dựa vào hành vi ! Thế « nghĩa là một hành động của ta chỉ được coi là thiện nếu trong « khi hành động ta có ngụ ý mưu ích cho người hoặc cứu giúp « người. Cũng một hành động ấy sẽ coi là ác, nếu trong khi hành « động ta nuôi cái ý thỏa lòng ích kỷ, thỏa tính ghen ghét hoặc « giận dữ. Vì dựa vào tâm lý mà đánh giá hành vi, cho nên « luân lý nhà Phật được gồm trong câu này : « Nhất niệm khởi « thiện ác dĩ phân ».

Xin phê bình. — Đạo Phật định danh hai chữ « thiện ác » gồm trong bốn chữ : « thuận ích, vi tồn » nghĩa là phạm sự tác-

động nào thuận chính lý, đem lại cho mình và người những lợi ích hoặc hiện tại hoặc tương lai thì gọi là « thiện », trái lại là « ác ». Sự tác động của con người gọi là Nghiệp (Karma). Sự tác động nơi thân là thân-nghiệp. Sự tác động nơi miệng là khẩu-nghiệp. Sự tác động trong ý là ý-nghiệp. Nghiệp về ý là « tư nghiệp », còn hai nghiệp thân-khẩu, gọi là « tư dĩ nghiệp ». Bởi thế mới có câu : « nhất niệm khởi, thiện ác dĩ phân » nghĩa là một niệm khởi thì điều thiện, điều ác đã chia ra rõ ràng, ấy chính là nhấn mạnh về « tư nghiệp ».

Ông lại nói « Chính vì luân lý ấy mà nhà Phật răn kẻ tu « dưỡng phải giữ gìn ý nghĩ cho được ngay. Sự ấy gọi là « chính tư duy » một trong « Bát chính đạo » « là tám phương pháp mà kẻ tu hành phải theo »

Xin phê bình. — Đã nói luân-lý nhà Phật răn kẻ tu dưỡng phải giữ gìn ý nghĩ được ngay theo phương pháp « bát chính đạo », mà người Phật tử đã rõ « bát chính đạo » là gì rồi thì tất nhiên phải biết trên đời có cái gì không chính mà gọi là chính được không ? hay là có cái gì chính mà gọi là không chính, là tà được không ? Vậy thì không thể nói những lời không chính mà tự xưng là chính-nghĩa, như lời ông Thanh-Vân luận.

Ông nói : « Áp-dụng luân-lý ấy vào giới sát thì ta thấy như sau này : nếu ta giết người hoặc giết vật vì phải cứu nhà, cứu nước, vì trừ kẻ tàn bạo thì việc giết tróc ấy *chẳng những không có tội gì mà lại còn một việc thiện nữa!* bởi ta nuôi cái ý ngay lành, vì tha, trong hành vi của ta. Nếu ta giết người hay vật « để thỏa lòng tàn-ác của ta, thì việc chém, giết ấy là một việc « đại ác »

Xin phê bình. — Luân-lý nhà Phật về giới-sát là giới đứng đầu, và cấm tiệt sự sát-sinh. Đã là tín-dồ nhà Phật, mặc dầu trường hợp nào, một con kiến con cũng không được giết. Cho nên luật mới có câu : « Thượng chí chư Phật, thánh nhân, sư, tăng, phụ, mẫu, hạ chí quyền phi, xuân động, vi tế côn trùng đảng hữu mạng giá, bất đắc cố sát, hoặc tự sát, hoặc giáo tha sát, hoặc kiến sát

tùy hỷ.» Vì Đạo Phật là Đạo «Từ Bi», chủ-trương thuyết «oan thân bình-dãng» diệt độc tham, sân, si thì còn có trường-hợp nào, lý-thuyết nào áp-dụng việc sát-sinh với người theo Đạo Phật được? Hiện nay mà có nạn chém giết lẫn nhau là do từ gốc tham, sân, si mà ra. Nếu nhân loại cả năm Châu đều theo Đạo Phật, đều hiểu rõ giới luật nhà Phật thì đâu có tai nạn ấy?

Trong trăm nghìn lời phê-bình của các thông thái Âu Mỹ đã dày công nghiên-cứu, hoặc tu-học Phật-pháp xin trích lấy một câu của Ông L.Broughton, Phó Hội-trưởng Hội Đại Bồ-Đề ở nước Anh như sau đây thì đủ rõ người ta đã hiểu Đạo Phật đến chừng nào rồi: «Hiện nay tình-hình thế-giới chẳng được an hòa; chúng tôi tin-tưởng rằng chỉ có Đạo Phật mới cứu-vãn thế giới, và chỉ có đại thừa Phật-giáo mới thiết là tâm yếu của Chư Phật».

Ông Thanh-Vân nói: «Chính cái ý-nghĩ (cái niệm) của ta nó «ghi-khắc trong cái tinh-thần vô-sắc, cái mầm luân-hồi, nghĩa là nó «tạo ra nghiệp báo. Vì thế việc bó buộc phải giết người! vì ý «nghĩ ngay lành! vì cứu nhân, độ thế, không thể đem lại cho ta «một nghiệp xấu được, bởi lẽ không phải việc (l'acte) nó gây «nghiệp quả mà chính cái ý nó gây.»

Xin phê bình. — Đã nhận có luân hồi, có nghiệp báo, thì tất nhiên biết rằng trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, quả báo không kíp thì chầy mà không có thể trồng dưa hóa ra đậu được? Từ xưa đến nay hễ vào lửa thì chết thiêu nháy xuống sông thì chết đắm, chớ không có lý nào vào lửa mà chết đắm, còn nhảy vào nước mà chết thiêu được.

Ông nói: «Trong BỔ-ĐỀ số 19, ta đã có dịp thấy luân-lý «nhà Phật rất hợp với luân-lý cơ đốc giáo. Nay ta lại thấy thêm «rằng luân-lý nhà Phật hợp với luân-lý Nho-giáo nữa. Nhà nho «cũng thế, luôn luôn bắt kẻ tu-thân phải hết sức giữ-gìn cái điều «mình vẫn thấy trong lúc vắng-vẽ một mình; điều ấy là ý nghĩ «là tu-tưởng của mình. Vì thế Nho-gia mới có câu: «Quân tử «thận độc»».

Xin phê bình. — Tôi xin đưa ra một câu so-sánh của một nhà thông-thái Âu-Tây là Ông Georges Grim: «Phật-giáo

đứng giữa các tôn-giáo chẳng khác gì Hy-Mã-Lạp-sơn vượt hẳn trên các dãy núi trong hoàn-cầu.

Câu « Quân-tử thận độc » nguyên câu chữ như vậy : « Mạc hiện hồ ân, mạc hiện hồ vi, cố quân-tử thận kỳ độc giả » đại-ý là : cái việc mà mình cho là kín chính là cái hiển-hiện rõ ràng nhất, cho nên người quân-tử cần-thận chờ một mình. « Đại-ý nói : trong khi mình làm việc một mình cần phải cần-thận, đừng nghĩ không ai biết » Xin Ông Thanh-Vân đừng nên « mục hạ vô nhân ».

Ông nói : « Chính Không Phu-tử đã đem luân-lý ấy ra dạy ta trong một bài không lời. Bài học không lời ấy là việc Không-tử mới lên cầm quyền nước Lỗ được 7 ngày giết Thiếu-Chính-Mão là một vị đại-phu tham-tàn, ta có thể bảo nhà đạo-đức họ Không đã làm một việc ác được không ? Không thể được.

« Không-tử giết Thiếu-Chính-Mão là có ý muốn trừ một kẻ hại dân hại nước nên đã làm việc ấy một cách thần-nhiên và « coi là một việc nghĩa ! »

Xin phê-bình. — Vì bài học ấy không lời nên Ông Thanh-Vân mới không hiểu rõ, viết lên BỔ-ĐỀ bán-nguyệt san lời biện-luận sai lầm đến nỗi ! Phải chi được « bài học có lời » nói rõ ràng như Giáo-lý Nhà Phật thì nhất định trăm phần trăm Ông Thanh-Vân không thể sai lầm được.

Tội xin thưa : ông Không-tử đã làm một việc đại-ác, phạm vào giới sát-sinh, mất hết danh-nghĩa đạo-đức. Vì sao ? vì ông Không-tử mới lên làm việc quan vua được có bảy ngày, chưa có lấy một lời đạo-đức giáo-hóa cho Thiếu-Chính-Mão, để Thiếu-Chính-Mão cái ác từng-thiện, lại ý quyền hay là lạm-quyền giết Thiếu-Chính-Mão thì rất là đê-hèn ! Đối với các tín-dồ Nhà Phật, ông Không còn thua xa lắm.

Ông Thanh-Vân nói : « Cũng vì hiểu rõ nên luân lý ấy nó vốn « là nền luân-lý chung của phần đông các tôn giáo, mà Vương-Dương-Minh một đồ đệ danh tiếng của Nho học, trong khi « chinh-chiến, đã chém giết thiên vạn quân giặc mà không chút « cảm động ! Phải chăng Vương-Dương-Minh là gỗ đá ? — Không

« Vương-Dương-Minh sở dĩ coi việc chém giết ấy như là « tiết
« thiết trăm đĩnh » (chém sắt chém đá) là bởi đã nuôi trong tâm
« cái ý cứu dân cứu nước trong khi ra trận để làm việc bòn phận
« của mình. Vương-Dương-Minh vẫn không vì thế mà giảm danh
« của mình về phương-diện đạo-đức ».

Xin phê-bình. — Vương-Dương-Minh có hiểu biết đạo-lý
Nhà Phật hơn Ông Thanh-Vân không ? hay là Ông Thanh-Vân
đã quy-y, thọ ngũ giới rồi ? mà Vương-Dương-Minh thì chưa
thọ được lấy một giới nào của Đạo Vô-Thượng Bồ-Đề ? Nếu như
Vương-Dương-Minh là đồ-đệ danh-tiếng của Đạo THÍCH thì
mới lấy làm ngạc-nhiên, chứ ông ấy là đồ-đệ danh-tiếng của Đạo
Nho thì tôi đã biết lắm rồi ! Thầy của ông ta là cái người
mới được làm quan có bảy ngày đã ý-quyền giết Thiếu-Chính-
Mào một cách thần-nhiên như vừa nói trên kia !

Trong Kinh Pháp-Cú có bài Kệ rằng : « Phi không, phi
hải trung, phi nhập sơn thạch gian, vô hữu địa phương sở,
thoát chi bất thọ báo ». Nghĩa là : « Khi nghiệp báo đã đến
chẳng phải trong không-trung, trong biên, trong hang núi không
có chỗ nào thoát được quả báo ».

Ông nói : « Vậy không phải nhà Phật tuyệt-dối cấm việc
« chém-giết. Bất tàn sát nhi nhân ái » giới luật ấy vẫn ngự ở
« trong cái ý là trong trường-hợp bố, buộc, phải cứu người mà
« giết thì việc giết ấy không sao » !

Xin phê-bình. — Một tín-đồ Nhà Phật, không y theo Kinh-luật
của Phật mà tự mình « vẫn ngự trong cái ý » thì thật là lạ-lùng.

Đạo Phật là Đạo thâm-thâm. Ba tạng Kinh-diễn, dạy bảo
đủ-điều ; tám vạn bốn ngàn pháp-môn tùy theo căn-cơ mà linh-hội.
Vậy thì sự hành-đạo phải y theo Kinh-diễn mới đúng đạo-lý,
chứ không có thể nói : « vẫn ngự trong cái ý » mà hành-đạo !

Ông nói : « Con rắn, con rết, con muỗi, khi nó định cắn, đốt ta,
« thì ta phải đánh giết nó, đánh giết để nó khỏi hại mình, thì
« đó là cái nghĩa « sát dĩ chi sát » mà nhà Phật vẫn dung cho ?
« Nếu giết nó mà chơi giết nó để thỏa lòng tàn-ác của mình
« thì phải cấm ngặt ».

Xin phê bình. — Tôi không hiểu ông Thanh-Vân tu về Đạo nào, học luật nào mà có những luận điệu ngộ nghĩnh như thế? Con rắn, con rết, con muỗi phải giết nó trước khi nó định cắn, đốt ông! mà ông cho là hợp với nghĩa: « dĩ sát chi sát »? Xin ông đọc lại câu: « Thiện nam tử! giới Ưu-bà-tắc dù vì thân mạng cũng không nên giết cho đến con kiến. Chỉ như câu « dĩ sát chi sát » hay « nhất sát đa sinh » là hạnh « vị tha » của Bồ-tát nó hoàn toàn nằm trong niệm « tư mẫn » chứ không phải vì niệm vị kỷ hẹp hòi « *đề nó khỏi hại mình* » như ông nói. Xin ông tìm đọc Luận Du-già quyển 41, sẽ rõ.

Ông lại nói: « Một vài thí dụ trong gia-đình Phật pháp khiến ta hiểu rõ thêm ra: Tín-đồ nhà Phật hỏi rằng: « Giết con dê có được không? » Nguyên-Khuê đại-sư đáp: « Sát thí giải thoát, bắt sát thí từ-bi » lời ấy cho ta hiểu rằng: nếu vì *cần dùng* « *mà ăn thịt!* » thì điều ấy cũng không sao! Và chẳng, đối với con dê cũng như đối với kẻ mang nghiệp xấu trong mình, càng sống « lâu-càng nhung hại, nếu ta xét còn chữa được thì nên chữa, vì từ bi, nếu nguy hại quá không thể chữa được thì phải giết đi để giải-thoát cho nó!

« Ông Lý-Lâm-Phủ hỏi: « Thịt có nên ăn không? » Đại-Giác Thuyền-sư đáp: « Thực Tướng-công đích lộc; bất thực thí Tướng công đích phúc » đủ biết nhà Phật vẫn đề cho mình tùy phương « tiệp, tu-hành, miễn là lúc nào cũng mang một niệm thiện là được « rồi; »

Xin phê bình. — Trong Kinh có câu: « Ý Kinh giải nghĩa tam thế Phật oan ly Kinh nhất tự tức đồng ma thuyết ». Người tu Đạo Phật cần phải dùng trí-huệ xét đoán. Có việc, có thể áp-dụng vào trường hợp này mà không có thể áp-dụng vào trường hợp khác được. Ông Nguyên-Khuê kia là một vị đã tu chứng, mà tín đồ nhà Phật nợ cũng đã là một vị cao-tăng, nên ông Nguyên-Khuê mới đáp câu: Sát thí giải thoát, bắt sát thí từ-bi « Vì ông Nguyên-Khuê biết rằng hoặc ông giết, hoặc tín đồ nhà Phật có giết con dê, đều có thể độ cho con dê ấy được giải-thoát. Còn hiện nay có ai tu chứng được như ông Nguyên-Khuê

« và tín-dồ nhà Phật kia chưa mà áp-dụng câu ấy để mà sát
«sinh? Lại hiểu lầm mà bảo rằng nếu vì cần dùng mà thịt! thì
«điều ấy cũng không sao!»

Vấn biết con dê nó có nghiệp xấu nó mới dọa làm thân dê;
mà đã ai biết dê ấy kiếp trước nó phạm tội gì? nếu giết nó thì
nó đã được thoát khỏi kiếp làm thân dê chưa? Như ông Xá-Lý-Phất
đã biết được con chó kia 500 đời về trước là một vị đại sa-di không?
Nay ông Thanh-Vân chưa tu chưa chứng gì cả mà đòi giết con dê, thì
nhất định con dê ấy không được giải-thoát mà ông Thanh-Vân lại phạm
tội sát sinh rất nặng, nặng vì con dê ấy có lẽ vào hàng lục thân quyến
thuộc của ông mà ông không biết. Vậy xin ông đừng mong giải-thoát
cho con dê mà mang lấy họa.

Ông Lý-Lâm-Phủ hỏi «Thịt có nên ăn không? «Đại-Giác
«Thuyền-sur đáp» Thực thị Tướng-công đích lộc, bất thực thị Tướng-
«công đích phúc». Câu trả lời rõ ràng như ban ngày, nghĩa là «ăn là
«lộc của Tướng-công, mà không ăn là phúc của ngài». Tôi xin hỏi
«người tu hành cầu phúc hay cầu ăn?»

Ông nói: «Nhưng, dầu sao Nhà Phật cũng vẫn khuyên ta không
«nên ham ăn thịt, kiêng hẳn được thì càng hay. Khuyên như thế,
«trước hết là vì kẻ ham ăn thịt cá là kẻ có nhiều dục-vọng đã
«sống trong xã-hội, vì của riêng mà tranh đấu cùng nhau, lại có
«nhiều dục-vọng thế-tát hay làm điều tà-khuất, có hại cho việc tu-
«dưỡng; sau nữa, thịt lại không lợi cho việc phát-triển nhân-diện
«hoặc trực giác, nó là cái mục-đích của sự tu-hành.»

Xin phê bình. — Sự ăn thịt cá có cho thân-thề người ta thế
nào, và sự ăn rau đậu cần cấp cho thân-thề người ta thế nào,
theo các nhà khoa học họ khảo-cứu, Phật tử chúng ta càng
tự hào rằng Đức Từ-Phụ chúng ta là Đức THÍCH-CA-MẬU-
NI đã biết trước hơn ai hết. Về sự cấm thịt cá như trong quyển
«Cuộc điều tra theo phương-pháp khoa-học, những người lấy rau
làm thực phẩm tại thành Bruxelles (nước Bỉ) «enquête scientifique
sur les végétariens de Bruxelles» của hai cô đốc-tơ Mlle Soteyko
và Mlle Varia Kipiani trang số 4, có câu này: «mà có những

« chất độc ngấm-ngấm, và vì lẽ đó rất nguy hiểm đáng sợ, bởi vì phải nhiều thế-kỷ học hỏi mới rõ dạng chúng nó thuộc về loài có chất độc này, thì có nhiều chất của thịt, bây giờ người ta mới hiểu rõ mấy lời sau đây cho là của ông Sénèque thốt ra và ông Flourens lập lại: « con người ta không chết, ấy họ tự-sát đó ». (... « mais il existe de poisons à action insidieuse et qui, par cela même, sont plus redoutables, car il a fallu des siècles pour apprendre à les connaître. A ces poisons appartiennent ceux qui sont contenus dans la viande. On comprend dès lors les paroles attribuées à Sénèque et répétées par Flourens: « L'homme » ne meurt pas, il se tue. »

Và thí nghiệm của ông bác-sĩ Paul Carton, Crovelle, Eljkmán và Frédéric Housay thì thịt sinh tính nóng-nảy, sinh dục-tình, đau ruột, thương-hàn, ho-lao, lỵ-kiết, dịch-hạch, ung-thở, chết-yếu, trệ thai.

Thịt không hại chết liền tức khắc như vị san, mã-tiền, cho nên không ai sợ Xét lại loài người ta là thuộc về loài ăn rau, ăn trái, nên ông Flourens nói lại một câu như vậy: « xét bao-tử (dạ-dầy), hàm răng và ruột thì tự nhiên biết con người ta là loài thú ăn trái cây như những con khỉ. » (Par son estomac, par ses dents, par ses intestins, l'homme est naturellement un frugivore comme les singes)»

Hề ăn rau đậu, các loài thực-vật, thì thân-thể nhẹ-nhàng, tinh-khiết, không nhiễm máu huyết và tinh-dục thú-vật; làm bền-bỉ lâu một đời hơn người ăn thịt cá; không hay đau vặt, học hỏi mau thông, cảm-giác lạnh-lẹ. Thứ nhất là người tu hành, phải ăn rau ăn trái cho được thân-tâm tinh-khiết nhẹ-nhàng, mau đắc đạo.

Xem như vậy ai đã tự xưng là Phật-tử thì nhất định phải tự cấm sát sinh, cấm thực nhục, không thể nói úp mở như Ông nói: « đầu sao » hay là « càng hay » được.

Ông lại nói: « Ta cần phải xét lại một cách bao gồm « rằng: tại sao lập ra ngũ giới; kiêng năm điều ấy có mục-đích gì? Ngũ giới hay thập thiện chỉ là những phương-tiện « giữ cho tâm mình được khỏi xúc-cảm, được an-định đó thôi.

« Phải lập ra ngũ giới là vì trong các trường hợp thông-
« thường, sự giết người, sự trộm cắp, sự gian dối v.v... là
« những điều làm cho tâm ta xao-xuyến, lo sợ, hối hận, tức
« là làm hại cho chơn-tâm, bất lợi cho việc tu-dưỡng. Nhưng
« nếu ta giết kẻ phá nhà, cướp nước, đề cứu quốc, độ gia
« thì lòng ta làm gì có xao xuyến, làm gì có hối hận, tâm
« ta vẫn an-định, vẫn thư-thái, có khi lại thư-thái hơn lên ! vì
« ta đã làm tròn nghĩa vụ ! ! »

Xin phê-bình. — Đạo Phật là Đạo chơn-thật ; Phật-Tổ là
vị Đạo-Sư của tất cả Thiên, Nhân. Mỗi mỗi hành-vi của
Phật-Tổ đều có ý nghĩa và lợi ích cho quần-sinh vô lượng,
vô biên. Sao Ông Thanh-Vân lại dám bảo rằng : « Ngũ giới
hay thập-thiện chỉ là những phương-tiện giữ cho tâm mình được
khỏi xúc cảm, được an định đó thôi » ! Ông Thanh-Vân hay
dùng chữ « phương-tiện », nên hành-vi « phương-tiện » của Ông
ra ngoài Phật-Pháp.

Phật biết rằng ai giữ trọn năm giới thì sau sẽ trở lại
cõi người thành một người có quyề-quí có nhân cách. Ai làm
được mười điều lành thì sau sẽ trở về cõi trời sống lâu sung-
sướng. Ấy gọi là tu về nhân-thừa thiên-thừa ; còn nhiều thừa
như Thanh-văn thừa, Duyên-giác thừa, Bồ-Tát thừa thì sau sẽ
nhập Niết-Bàn, về nơi tịch-diệt.

Vậy thì nên nói « phương-tiện về bước đường tu-hành »
mới đúng, chứ nói : « phương-tiện giữ cho tâm mình được khỏi
xúc cảm » thì không đúng.

Còn Ông Thanh-Vân thêm một đoạn dài nói : « sự giết-
tróc » chỉ trên đó thì giống như đoạn Ông nói ông Không-
tử và ông Vương-Dương-Minh, nên xin miễn luận. Chỉ xin tặng
thêm một câu kinh cho rõ thêm sự « an-ninh » và sự « thư-
thái » của Ông mà thôi.

Câu Kinh ấy là : « Giả sử bách thiên kiếp, sở tác nghiệp
bất vong, nhân duyên hội ngộ thời, quả-báo hoàn tự-thọ ».

Ông lại nói : « Đối với những người xin ra đời chẳng
« may mang một tinh-thần u-tối, không thể phân biệt tâm ý với

« hành vi, và đối với những người còn nhiều thứ tính hay ngộ
« ngược, thì tốt hơn hết là cứ những việc lành mà làm. Đó
« là một lối giản-dị nhất để hướng-dẫn người tối dạ. Còn đối
« với những người có thông minh, có học vấn, thứ nhất là
« có tâm chuộng Đạo, thì nhà Phật cần phải chỉ rõ rằng thiện
« hay ác không phải ở nơi việc mà là ở nơi tâm-y ».

Xin phê-bình. — Hiện nay Phật-giáo lan khắp năm Châu
tín-dồ Nhà Phật rất đông, mà chỉ có một người là Ông Thanh-
Vân biết phân-biệt tâm-y với hành-vi, còn ai cũng mang một tinh-
thần u-tối, nhưng than-ôi! « Ông là người có thông-minh có học-
vấn, và thứ-nhất là Ông có tâm chuộng-Đạo », mà Ông đẽ-xương
cái thuyết: « thực nhục, sát-sinh » thì thật đáng tiếc.

Ông lại nói: « Cũng như, những năm đầu, khi giảng Đạo,
« Phật chỉ nói thuyết tiêu-thừa cho quần-chúng nghe, cốt cho
« quần-chúng biết cách tu-thần thoát khổ là được rồi. Mãi sau,
« đã có nhiều người hiểu biết đạo-lý, lại thành-thực tu dưỡng,
« Phật mới giảng đến thuyết đại-thừa gồm có những vấn-đề khó
« hiểu như « không và sắc », « tâm và tịnh » và nói mục-dịch tu-
« dưỡng và làm sáng cái « bản-giác minh diệu » của Tâm đề
« được « chính-biến-tri » như Phật ».

« Bởi Phật là một Ông Thầy, nên phải có nhiều phương-tiện
« dạy-dỗ, tùy lực hiểu biết và tùy đức-độ của các đệ-tử. Xét xử
« như thế thì ta sẽ không bỡ-ngờ về những điều giảng-dạy đôi
« khi khác nhau của Nhà Phật và sẽ có thể tinh-tiến trong việc
« học Đạo, cũng như trong việc hành Đạo vậy ».

Xin phê-bình. — Phải, Phật thường nói: « Người học Đạo
trước không học giáo lý tiêu-thừa, sau không học giáo-lý đại-thừa
thì không phải đệ-tử của Phật ». Trong hàng Phật-tử ai ai cũng
rõ như vậy. Tiêu-thừa là phương-tiện của Đại-thừa; Đại-thừa
là cứu-kính của Tiêu-Thừa. Kinh Pháp-Hoa nói: « Thập phương
Phật độ trung, duy hữu nhất Phật thừa, vô nhị diệt vô tam,
tức Phật phương-tiện thuyết » chính là khai-thị chỗ chọn-thực
cứu-kính nhất-Phật-Thừa vậy.

Kết luận. — Xét trong bài này có một vấn-đề : « Bất-tàn-sát » mà Ông Thanh-Vân luận-biện ^{lần}lần thành thêm ra hai vấn-đề nữa là « thực-nhục » và « luân-Lý ». Vì vậy mà biết chỗ lập-trường của Ông có hơi sai-lạc ra ngoài chính-pháp và cũng vì thấy sự sai-lầm nên tôi mới phải phân-tách từng câu, từng đoạn để trả lời và phê-bình hầu mong nhờ hải-nội Phật-tử phủ-chánh cho.

Thật là vạ bất-đắc-dĩ tôi mới cam thất-lẽ lên tiếng « phê-bình » bài « Phật-học thời-dàm » của Ông Thanh-Vân, bởi vì tôi chắc rằng Quý Ngài đều là những Phật tử như tôi, đều ra-chuộng chính-pháp như tôi và cũng đều như tôi muốn tôn-trọng, muốn giữ ~~cho~~ cái danh-thê của một « Cơ-quan truyền-bá Đạo-Phật » như Quý San BỒ-ĐỀ, cứ được hoàn-toàn cao quý.

Và lại ai mở quyền BỒ-ĐỀ số 29 ấy ra xem từ trang số 2, bài « Tông-Giáo chính-giải », « Tam-Bảo xuất-thế » của Đạo-trưởng Tuệ-Nhuận giải những gì thì đã thấy ngay rằng các lời luận-biện của Ông Thanh-Vân từ trang 27 đến trang 32 đều là mâu-thuần cả. Trong một số của một « Cơ-quan Truyền-bá Đạo-Phật » mà hai bài của hai Ngài ban-viên trong Tòa-soạn tương-phản nhau thì bảo các độc-giả chưa phải vào hàng Phật-tử với các độc-giả sơ-cơ biết nghĩa thế nào ?

Tôi rất mong Quý Đạo-trưởng hoan-hỷ đính-chính cho và từ nay nên lập một Ban kiểm-duyet Giáo-lý để xét kỹ-lưỡng các bài-vở trước khi lên khuôn thì hay lắm.

Sau lại, tôi thành-tâm cầu Tam Bảo gia-hộ cho Liệt-Quý Đạo-trưởng trong Tòa-soạn BỒ-ĐỀ bán-nguyệt-san, thân-tâm cứ được an-tịnh và Bồ-Đề kiên cố.

Nam-mô BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT.

Kính thư.

Một hội-viên Hội VIỆT-NAM PHẬT-HỌC

Tỉnh-Hội Đà-Nẵng (Tourane)

Giải-Ấn Cư-sĩ

KHỔ

« Thế-giới không an, in như nhà lửa »

Kinh PHÁP-HOÀ

THÍCH THUYỀN-MINH

I. — KHỔ LÀ GÌ ?

Chữ « Khổ » trong Phật-Pháp có một giới nghĩa rất rộng-rãi, bằng sự định nghĩa là « không thích ý » và định nghĩa ấy được diễn-đạt là « bức bách thân-thể và tâm trí ». Theo quan-niệm thông thường thì khổ vì tai họa, vì đói khát, nhưng quan niệm ấy quá thiếu sót, bởi tai họa đói khát có khi không có ý nghĩa nữa với một người giàu nghị lực. Nhưng ngược lại, kẻ tầm thường thấy sự hưởng dụng đầy đủ là không khổ, mà kẻ có lòng thì khổ sở vì dân tộc bạc nhược, loài người tranh nhau.

Cho nên « khổ » là tùy theo quan-niệm ; cái gì không thích ý là khổ.

II. — KHỔ CÓ MẤY THỨ ?

Bởi vậy, khổ có ba thứ sau đây :

Khổ khổ : Những khổ sở chông chất trên khổ sở. Thân thể đã bị áp-bức bởi sự già yếu, bệnh-tật và tử vong rồi mà còn bao nhiêu những khổ khác nữa chông chất lên cái thân khổ ấy : đói khát, lạnh nóng, tra khảo.

đánh đập... Thế giới con người đã khuyết điếm do khí hậu không điều hòa, bảo tố gây mất mùa làm đói khát, lại chồng chất thêm trên thế giới khuyết điếm ấy những tai nạn chiến-tranh, lũng đoạn kinh tế...

Hoại khổ : Phối hợp với khổ khổ, còn bao nhiêu vui sướng bị phá sản nữa, làm khổ con người: như luyện ái thất bại, tiền tài phá sản, danh vị thất vọng.

Hành khổ : Cuối cùng, vũ trụ chuyển biến, đời sống đời đời, con người không còn chỗ nào đứng vững chân trong một đơn vị nhỏ nhất của thế gian, chớ đừng nói một kiếp người ngắn ngủi.

Khổ vì khổ chất lên khổ, khổ vì sung sướng phá sản, khổ vì tất cả vô thường, đời sống con người quả là đời sống được gây ra và tồn tại trong một bề khổ.

III. -- ĐỜI LÀ BỀ KHỔ.

Thần Lửa đang ngự trị thế giới loài người chúng ta. Do những duyên có trẻ con — những câu nói của từng cá nhân, những sự tức giận của từng cá nhân, người ta động viên loài người đánh nhau. Chúng ta đang sống trong sự bao phủ của tử khí. Ở đâu chúng ta cũng người thấy mùi vị đánh giết và chết chóc. Nhưng khổ sở hơn nữa là luôn luôn chúng ta bị động viên vào những sự tàn sát bằng những danh nghĩa như có danh nghĩa mà sự thật chúng ta không tìm thấy danh nghĩa ấy đáng danh-nghĩa. Chúng ta đang hy-sinh, làm vật thí nghiệm một cách vô lý cho những kẻ dã tâm muốn làm lãnh tụ. Chưa có một sự tranh đấu nào có ý nghĩa thật thà là vì « lợi ích chung » cả. Tất

cả khổ sở chúng ta là ở đó. Chúng ta quả đang ở trong một bể khổ rộng và sâu chưa từng thấy. Trong khi chúng ta bị động viên, bảo vì tự do và sự sống, thì chính sự sống và tự do chúng ta bị động viên rồi vậy!

Nhưng đời là bể khổ như thế là chỉ mới nhìn có mặt nạn đao binh, còn nạn bảo lụt, nạn động đất, phối hợp với nạn không còn tin tưởng, lý thuyết hỗn loạn nữa. Than ôi! vũ trụ có thứ chi phát thanh to nhất, xé được làn không khí ẩm-đạm, để chúng ta mượn má hét lên cho đỡ ngột thở?

IV. — NGUYÊN NHÂN VÌ ĐÂU?

Nguyên nhân đau khổ là gì? Có những người duy tâm bảo vì thượng-đế trách phạt, có những phái duy vật bảo vì kinh tế lũng đoạn. Nhưng sự thật ở đâu cũng chỉ do con người. Con Người gây ra khổ rồi bảo vì thế này vì thế khác, là nói cho có có đề mà làm: muốn gây khổ nên vin cho có có đề mà gây. Bao giờ con người còn bảo vì nguyên-nhân này, bởi lý do khác, là chính con người đang cố tình kiếm chuyện mà gây khổ vậy. — Và chính đó là nguyên nhân của thế giới đau khổ hiện tại. Ai khởi hẳn với nhau? Ai tranh chấp với nhau? Ai bóc lột ai? Ai lũng đoạn ai? Ai, nếu không phải con người với con người.

V. — NHƯNG KHÔNG PHẢI BI QUAN.

Đời là bể khổ như thế là một sự thật rõ ràng, sự thật là như chúng ta đang khổ sở đây. Vậy mà có những kẻ lạc quan, kẻ ấy cố tưởng tiếng đòi nợ là những tiếng oanh kêu, những cử chỉ ấy chỉ mới là cử chỉ khả ố,

chứ cử chỉ họ còn độc ác hơn nữa : họ cười cợt trong tiếng than của nhân loại. Họ bảo kẻ cho đời khổ là bị quan, chính điều ấy chứng tỏ ra họ đang gây khổ cho loài người chúng ta.

Nhưng kẻ lạc quan ấy đáng trừ đã đành, mà bị quan lại càng đáng bỉ hơn : bị quan chỉ có nghĩa là bằng lòng để cho người tung-hoành, lợi dụng sự sống của chúng ta để tàn sát sự sống của chúng ta.

Sự thật, khổ nào đã do con người tự gây ra thì tất nhiên con người có thể tự hủy diệt. Con người muốn là được.

VI. — CON NGƯỜI MUỐN LÀ ĐƯỢC

Vụ trụ không thật, đau khổ hư giả, con người gây ra tất cả thì con người tiêu trừ tất cả. Con người gây ra đau khổ rõ ràng như phóng lát gươm giết người. Con người trừ diệt đau khổ cũng rõ ràng như thu lát gươm lại là người sống. Con người muốn là làm được. Không có chi qua bàn tay con người trong khi con người là ông chủ của tất cả mọi vấn đề trong thế giới loài người.

Phật-pháp không thể dung đau khổ được. Chính vì đau khổ mới phải có Phật-pháp. Từ-bi, trí huệ, hùng-lực của Phật-pháp đi đến đâu, tàn sát, manh động, hèn nhất tiêu diệt đến đó. Thần Lửa trước Phật-pháp chỉ như ngọn đuốc dưới mặt trời. Quay về Phật-pháp, con người có thể thấy ánh sáng rực rỡ. Khế kinh có câu : khổ hải vô biên, hồi đầu là bến.

VỚI GIÁO LÝ PHẢI SUY NGHIỆM MỚI LÝ GIẢI RÕ RÀNG

Phông thuật theo
ĐẠI TRANG NGHIỆM KINH LUẬN

THÍCH TUYẾT-SON

Có một ngoại đạo tên là Kiêu-thi-Ca học hiểu các sách Áo-nghĩa-thư, Vệ-dã vân vân... Một hôm, vì chút việc ông tìm đến nhà người bạn ở thành Nghiệp-thị. Trong khi chờ đợi bạn đi vắng chưa về ông bảo vợ người ấy :

— Có sách vở gì bà cho tôi mượn một cuốn để xem.

Bà ấy lúc soạn sách vở giao ông một cuốn. Ngẫu nhiên sách ấy là một cuốn kinh của Đức Phật dạy. Được sách hơi lạ, ông ra vườn kiếm chỗ vắng tịnh ngồi đọc, thấy kinh ấy thuyết minh nguyên lý nhân duyên. Và kết luận rằng :

« Cái này có thì cái kia có, cái này không thì cái kia không, cái này sinh thì cái kia sinh, cái này diệt thì cái kia diệt ».

Kiêu-thi-Ca đọc một lần còn chưa hiểu chi, đọc lại lần thứ hai liền hiểu được vô ngã : thấy vũ-trụ là những thê lỗ-hợp, không chi cố định ; và hiểu được vô thường : thấy vạn hữu là những dòng sanh diệt, lưu động chuyển biến. Ông nghĩ :

— Bao nhiêu sách vở của các học-thuyết đạo giáo khác mà ta đã đọc đều không có phương-pháp giải-thoát. Nay trong kinh này người ta mới tìm thấy con đường ra khỏi sống chết.

Rồi nâng cao cuốn kinh ngang trán, ông nói lớn :
« ngày nay ta mới tìm thấy sách thật, nghĩa chân ». Xong
đoạn tọa tư duy, thâm giải nghĩa lý, thần sắc tươi vui
như hoa mới nở, ông lại nói :

— « Muốn kết quả tiêu diệt, phải tiêu diệt nguyên
nhân. Ngày nay ta mới nhận thấy lẽ chân thật ấy. Xưa,
tín theo lý thuyết thế gian, ta đi chữa bóng đèn hy-vọng
hình ngay, ngày nay mới biết muốn bình thế giới phải
bình tâm địa. Than ôi ! Phật-pháp thật là chí chân chí
thật !

Như một kẻ trôi chìm trong sông sâu, vì sợ chết nên
ta gắp chi bám vùi nấy. Nhưng, một cành cây, một nhánh
cỏ không giúp ta khỏi chìm đắm nước sâu. Ngày nay ta
mới biết học thuyết ngoại đạo nếu không mê-hoặc thì
cũng không đủ sức giúp ta khỏi chìm sông sanh tử. Chỉ
có người tự tại lặn lội trong sinh tử như Phật, chỉ có
Chánh-pháp diệt trừ nguyên nhân là Phật-pháp, mới cứu
vớt được ta. Ví như giữa bể cả ba đào, chỉ người lặn
lội giỏi, chỉ thuyền mạnh, mới cứu vớt được nạn nhân
sấp trôi chìm. Nam mô Phật-Đà (kính lễ đấng Giác-Ngộ) !
Nam-mô Đạt-Ma (kính lễ Sự thật) ! »

Thế là một sự thay đổi lớn lao và rồ ráo phát-sinh
trong lòng Kiều-thi-Ca. Ông không thấy con người nằm
gọn trong con người. Vũ-trụ tương-quan với nhau như
màn lưới vô cùng, sự sống cùng nhau hỗ trợ như thủy-
triều vô tận. Hết thấy và tất cả đều do con người định
đoạt. Gì là Thượng đế ? Gì là định luật ! Chỉ là những
lý-thuyết mê mờ phát sinh từ một trí thức mê mờ. Nghĩ
đến đó, Kiều-thi-Ca vừa sung sướng lại say sưa nghĩ ...
Ánh nắng chiếu xuyên lá chiếu xuống như giúp trí tuệ
ông chiếu phá chân tướng sự vật. Bất giác ông chấp
tay dơ cao nói lớn : Nam - mô Đạt - ma ! Nam - mô
Đạt - ma ?

Thế là một ý thức hệ củ hoàn toàn sụp đổ thay vào một ý thức hệ mới hoàn toàn chi phối lòng ông.

Chiều tối, người bạn về, hỏi vợ :

« - Nghe nói bạn tôi, ông Kiều-thi-Ca, có đến đây từ sớm, vậy ông ấy ở đâu ?

— Ông ấy ngồi xem sách ngoài vườn. Khi mai đến đây ông ta không gặp ông nên mượn tôi cuốn sách, không biết cuốn ấy nói những gì mà trưa nay, khi ra mời ông ấy vào ăn cơm, tôi phải đứng chân lại, không dám bước, không dám nói, trước một vẻ mặt trầm tĩnh tươi sáng, chăm chăm vào cuốn sách ... Thỉnh-thoảng nâng cao cuốn sách lên, ông nói lớn : Nam mô Phật Đà ! Nam mô Đạt-Ma ! ... Chiều này, đôi ba phen ra định mời vào, tôi vẫn không dám động trước cử chỉ ấy. Tôi nghĩ không nên động phạm cử chỉ ấy vì sự ăn cơm. Nhưng giờ tối rồi, ông hãy ra xem và mời ông ấy vào.

Nghe thế, người bạn thoáng hiểu. Ông không lạ gì nữa, chữ Phật Đà mà bạn ông nói kia là đức chí-giác Thích-Ca. Và cuốn sách kia đích là cuốn kinh của đạo Phật mà ông mượn được của người bạn khác. Ông chưa đọc nó nhưng đối với ông, nó đã là thứ thù ghét trước khi đến tay ông. Ông là một tín đồ Bà-la-môn bực nhứt kẻ về tín ngưỡng trung thành đối Phạm-Thiên. Ông vội vàng theo vợ chỉ dẫn ra tìm bạn và đột ngột hỏi, mặc dầu vẻ mặt và dáng ngồi của Kiều-thi-Ca không khỏi làm ông kinh ngạc và đứng lạng mấy giây :

— Anh nghĩ gì vậy ?

— Tôi đã thấy ánh sáng. Cảm ơn anh ! Tôi đã tìm thấy ánh sáng sự thật, chính nhờ cuốn kinh giải thích. Nhân duyên luận này. Thật là »

Nhưng lời nói biểu lộ sự hân hoan của Kiều-thi-Ca đã bị ngắt :

— Cuốn kinh này ư? Chính tôi muốn rửa cho hết những chữ trong đó để chép Áo-nghĩa-thư, kinh Vệ-Đà vào.

— Anh cũng xem rồi? Chân lý sáng rực trong lời vàng ấy không chiếu sáng trí tuệ anh? Tôi, tôi muốn dùng gấm, lụa gói bọc và dùng vàng bạc xây tháp thờ đề kinh này. Nếu sự thật là quý giá tuyệt đối thì với cuốn kinh này, cúng dường như thế tôi cũng chưa vừa lòng, anh ư!

— Tôi chưa đọc và cũng không bao giờ đọc cuốn kinh ấy. Theo ý tôi, mặc dầu nghĩa lý của kinh này trình bày đúng với sự thật hơn kinh Vệ-Đà, nhưng là người đạo Bà-la-môn, ta chỉ nên học kinh Vệ-Đà mà thôi. Sao anh lại quý trọng nó, một cuốn kinh của đạo Phật?

Nghe bạn nói thế Kiều-thi-Ca bỗng buồn rầu trả lời:

— Anh thiên và hẹp quá. Ánh sáng không thể đến đầy đủ với người một mắt, anh ư. Ta phải thành tâm tìm sự thật. Hãy tự dùng đuốc trí tuệ soi tìm sự thật, và là người hiểu biết, ta chỉ tin sự thật, tin sách và kinh nào đã diễn được sự thật. Tôi kính trọng kinh này trước hết bởi nó giúp tôi tìm ra sự thật vĩ đại, chứ không phải vì nó là kinh của đức Phật nói. Và, cũng vì thế mà tôi không thể không trân trọng nó dầu nó là kinh Phật, cũng như bây giờ tôi không thể tin nhiệm Vệ-Đà dầu nó của đạo ta. Từ lâu kinh Vệ-Đà không làm cho tôi thỏa mãn bởi những chỗ nói sai sự thật của nó.

— Anh thử chỉ trích xem? Người bạn bảo với một dáng điệu tức giận cực điểm.

— Một trong những điều ấy là Vệ-Đà chủ trương «cực vi hợp thành vạn hữu». Và theo kinh Vệ-Đà chúng ta thì cực vi là những đạn vị tổ sơ và thế chất là vật chất nhưng biến quán vũ-trụ, chúng ta thấy có hai mặt. Đứng về phía tương quan thì hết thảy vạn hữu chỉ là những thế lộ hợp của tất cả các mối tương quan hỗ trợ tác

động; nhưng đứng về mặt đặc tánh thì hết thấy vạn hữu đều phát sinh từ nguyên tố đồng một tánh chất với nó.

Như vậy cái « cực vi » của Vệ-Đà chúng ta chủ-trương nếu đứng về mặt tương quan mà xét thì không thật có vì vạn hữu do tất cả các mối tương quan mà trình bày thì làm gì có cái đản vị tối sơ là cực vi? Và nếu phỏng nhận cực vi là có, thì cực vi ấy cũng chỉ là một thể tổ hợp của vô số các mối tương quan kết hợp lại, vũ trụ cứu cánh không chỉ gọi là đản vị tối sơ hay tối hậu.

Còn đứng về mặt đặc tánh mà xét thì cực vi cũng bất thành nếu bảo chúng là vật. Trong sự-thật tương đối, chúng ta chưa hề thấy một hiện tượng thể này phát sinh từ nguyên tố thể khác. Mà một hiện tượng đặc tánh thể nào thì chỉ do nguyên tố đồng đặc tánh thể ấy phát sinh; nói ngược lại, nguyên tố thể nào chỉ phát sinh hiện tượng thể ấy. Vậy nếu phỏng nhận cực vi là có đi nữa mà bảo là vật chất, thì ta làm sao trả lời hai câu hỏi này: « nếu cực vi là vật chất, nghĩa là vô-tri-giác, thì làm sao phát sinh các hiện tượng tâm lý có trí giác? Và nếu bản chất cực vi là đồng nhất mà ta không thể không công nhận đồng nhất) thì ngay trong các hiện tượng vật chất làm sao có ngàn vạn tánh chất công dụng sai biệt?

Vậy đúng đắn ra, ta phải nói như Phật pháp: vạn hữu, đứng về mặt tương quan, thì một là tất cả, tất cả là một; đứng về mặt đặc tánh thì hiện hành nào chỉ do khả năng ấy phát hiện mà thôi. Thuyết cực vi chỉ là đánh một sự suy luận ấu trĩ mặc dầu chỉ trong vòng tương đối.

— Nhưng cái chủ trương « Phạm Thế » của Vệ-Đà, anh cũng phủ nhận sao?

— Chính tôi sắp nói đến chủ trương ấy. Phải Tôi không cãi chối rằng trong các thuyết « thượng đế tạo vật » thuyết « phạm thế » là cao nhất. Nhưng trước hết, tôi thấy

một điều mâu thuẫn kỳ dị, là với thuyết « phạm thễ » tuy chúng ta biết thượng đế theo quan niệm phiếm thần, tránh quan niệm nhân cách (ta bảo thượng đế là một thễ chứ không phải một đấng). Nhưng kỳ thật chúng ta có khác gì một người bịt tai mà la lớn như lời Phật Đà dạy.

Đi tới một tí nữa, dầu là phiếm thần, dầu là nhân cách, đảng nào Phạm-Thiên cũng không phải căn bản sinh hóa vạn hữu. Vạn hữu chỉ phát sinh từ nguyên nhân của nó và các mối tương quan chung quanh nó. Cái gì đã gọi là trường tồn bất biến như Phạm-Thiên, thì tức là không có tính cách này nữa biến hóa, làm sao phát sinh cái khác? Hay ta phải công nhận ngược lại: nếu có Phạm-Thiên và Phạm-Thiên tạo vạn vật thì Phạm-Thiên ấy cũng như vạn vật, sanh diệt chuyển biến.

Do bản đồ loài trời, Phạm-Thiên chỉ là một trong cái ấy, và phước báo có cao hơn loài người mà thôi. Phạm-Thiên còn ở trong phạm vi chi phối của vô-minh mê mờ, không phải là chúa tể độc tôn. »

Kiều-thi-Ca nói đến đây, xem sắc mặt của bạn đã tỏ ra hiểu biết lẽ phải, nên điềm đạm tiếp:

Ngoài khuyết điềm trên, một khuyết điềm lớn lao nữa của kinh Vệ-Đà làm cho tôi bất mãn là phủ nhận khả năng giác ngộ vốn có của muôn loài, và do đó cái kết quả của sự tu hành mà Vệ-Đà hứa với ta là chỉ làm thần dân, chứ không lên đến địa vị bình đẳng với Phạm Thiên, mặc dầu Phạm Thiên, đứng với danh từ của nó, chỉ là một loài còn thấp trong các loài trời. Còn đức Phật thì khác Đức Phật phát huy và cao nêu Giác Tánh của muôn loài, nên nói : « chư Phật chỉ là Phật đã thành, còn ta là Phật sẽ thành ». Và Phật là gì? Là địa vị mà trí giác và diệu đức đều hoàn toàn viên mãn, là địa vị đỉnh chóp của sự tiến hóa. Địa vị ấy, tất cả muôn loài ai cũng có thể đạt đến vì ai cũng có khả năng giác ngộ như các

ngài Thích-Ca, Di-Đà... Cái kết quả cuối cùng của tất cả người thật hành Phật-Giáo là điều tiền đến địa vị ấy. Điều này anh có thừa nhận Vô-Đà là khuyết, mà đòi lại chủ trương của Phật-Giáo là một tru đềem không?

Người bạn này giờ từ sự giận dữ đến thái độ chịu phục lễ phải, chăm chỉ nghe lời Kiều-thi-Ca giảng giải, nên nghe hồi thế, ông ta liền trả lời một cách thành thật:

— Không những điều này mới là một khuyết-điểm của ta và một tru đềem rõ rệt của Phật-giáo mà cả hai điều trước cũng thế. Anh thật sáng suốt, dùng trí-tuệ của mình phán đoán giáo lý và hướng dẫn lòng tin của mình. Những điều anh nhận xét là sự giác ngộ hiếm có. Nhưng anh có thể trình bày một vài đặc điểm của Phật-Giáo cho tôi nghe không?

— Phật giáo như ánh sáng mặt trời, mà nhìn ánh-sáng ấy, tôi chỉ có cặp mắt nhỏ hẹp. Tuy nhiên một là tất cả, chúng ta có thể căn cứ một vài điều sau đây mà biết tất cả đặc điểm của Phật-Giáo. (1)

Thứ nhất, đặc điểm của Phật-Giáo là *in như sự thật*: lý thuyết, phương pháp cùng kết quả đều hợp lý, đều như thật. Phật giáo không chen chủ quan của mình vào trước hay trong khi suy nghiệm sự vật. Và chân lý của đạo Phật là lời kết luận sau sự suy nghiệm trúng sự thật ấy. Đạo Phật chỉ thấy và chỉ nói những sự thật mà sự vật có, không thêm không bớt. Đạo Phật, nhân đó, cấm đoán những tín ngưỡng và những hành động không phát từ sự hiểu biết như thật và luôn đó, Đạo Phật không công nhận những kết quả của tín ngưỡng mê mờ; hành động mạnh động là hợp lý. Cho nên đạo Phật người ta cũng gọi là Đạo Như Thật.

(1) Những đặc điểm này V.À. đã có lần trích đăng rồi, nhưng nay muốn ý tứ trọn vẹn, nên vẫn đề nguyên.

Đặc điểm thứ hai là *tôn trọng sự sống*; không sát sanh, ăn chay, là những điều tượng-trung cụ thể cho đặc điểm ấy. Đạo Phật xem sự sống là trên tất cả. Hết thấy cái gì gọi là có giá trị là phải bảo vệ sự sống ấy. Giết sự sống để nuôi sự sống là mê muội và vì tham sống nên hại sự sống cũng là vô minh. Cho nên tôn trọng sự sống không những bằng cách giúp nhau để sống còn mà còn có khi phải hy sinh sự sống để bảo vệ sự sống, nghĩa là có khi tịnh như ăn chay để cứu muôn loài, có khi động như «đại thọ chúng sanh khổ» để cứu vạn vật. Đạo Phật đặc biệt chú trọng và nêu cao chủ nghĩa lợi tha nhưng chữ Lợi ấy là phải hướng về mục đích tôn trọng sự sống.

Đặc điểm thứ ba của đạo Phật là chỉ thừa nhận sự *tương quan sinh tồn*. Đạo Phật dạy cho người ta thấy ở đời phải tự lập chứ không thể biệt lập, chỉ có như nhau không thể hơn nhau. Phật tử không thấy, không tạo nên một đối phương. Vũ trụ là một lò tương quan; không có gì là trung tâm, không có gì là phụ thuộc, hay là ngược lại. Bởi thế cho nên phân ly là tự tạo một ung nhọt, mà chiến đấu (theo nghĩa hẹp) chỉ là tương đối. Chiến-đấu phải là một hành động vì sự bảo vệ, sự tương quan sinh tồn mà bắt buộc dĩ phải áp dụng trong trường hợp bắt buộc dĩ. Nếu biến sự bắt buộc dĩ ấy thành sự tuyệt đối cần thiết trong mọi trường hợp thì chiến đấu sẽ trở thành chiến tranh.

Đặc điểm thứ tư của đạo Phật là xác nhận *người là trung tâm điểm* của xã-hội loài người. Đạo Phật không nói duy tâm, không nói duy vật, mà tất cả đều do người phát sinh và đều phát sinh vì người. Kết luận này thực tế ở đâu cũng rõ rệt cả. Trên thế giới loài người này không có gì tự nhiên sinh ra hay tự hư không rơi xuống mà đều do năng lực hoạt động con người tạo thành. Năng lực hoạt động con người tạo tác chi phối tất cả. Tất cả

khô hay vui, tiến hóa hay thoái hóa đều do con người đã man hay văn minh. Người là chúa của xã hội loài người. Xã hội loài người không thể có chúa có trời thứ hai.

Đặc điểm thứ năm là Đạo Phật chú trọng *đối trị tâm bệnh con người* trước hết. Lý do rất dễ hiểu. Con người là trung tâm điểm của xã hội loài người, bởi vì xã hội ấy tiến hóa hay thoái hóa là hoàn toàn do hoạt động chi phối; mà hoạt động con người lại do tâm trí con người chủ đạo, vậy xã hội là phản ảnh trung thành của tâm trí con người. Cho nên muốn cải tạo xã hội căn bản là phải cải tạo con người, cải tạo tâm bệnh con người. Tâm bệnh con người nếu còn độc tãi thậm lam thì xã hội loài người là địa ngục; tâm bệnh con người được đối trị rồi thì hoạt động con người tất sáng suốt mà xã hội con người, kết quả của hoạt động ấy cũng tất cực lạc.

Đặc điểm thứ sáu, mục đích Đạo Phật là *dào luyện con người thành bi, trí và dũng*. Bi là tôn trọng quyền sống của người khác. Trí là hành động sáng suốt lợi lạc. Dũng là cực đoan quả hành động. Dũng không có bi và trí sẽ thành tàn ác và manh động. Trí không có bi và dũng thì sẽ thành gian xảo và mộng tưởng. Bi không có trí và dũng sẽ thành tình cảm và nhút nhát. Bi là tư cách tiến hóa, trí là trí thức tiến hóa, dũng là năng lực tiến hóa. Con người như thế là con người mới, căn bản của xã hội mới.

Đặc điểm thứ bảy của Đạo Phật là *kiến thiết một xã hội mới*, mà căn bản là con người mới. Cho nên tranh đấu cho xã hội mới ấy, trở lại vấn đề là phải chiến thắng chính mình trước hết. Con người tự chiến thắng con người, nghĩa là cái « nhân » cũ (bóc lột, đàn áp, độc tài, xâm lược) không còn nữa, thì kết quả là tranh đấu được cái « quả » mới là một xã hội mới. Trong xã hội ấy quyền sống tuyệt đối bình đẳng như sự sống: bình đẳng trong nhiệm vụ, bình đẳng trong hưởng thụ.

Đặc điểm thứ tám của Đạo Phật là *tiến lên Vô thượng giác*. Đào luyện một con người mới, một xã hội mới rồi, không phải mục đích của Đạo Phật cứu cánh ở đó. Cao xa, đạo Phật còn hướng dẫn con người tiến lên chớp đỉnh của sự tiến hóa là địa vị Vô thượng giác, địa vị vô minh toàn diệt, trí tuệ toàn giác — địa vị Phật-Đà.

Đặc điểm thứ chín là Đạo Phật dạy phải *tự lực giải thoát*. Đây là một tinh thần cần thiết tuyệt đối cần thiết Đức Phật chỉ là đạo sư dẫn đạo con đường sáng cho cho chúng ta, Còn chúng ta phải tự thấp đuốc trí tuệ lên mà đi, phải tự động cạp chân năng lực của mình mà đi. Con người mới ta phải tự rèn luyện; xã hội mới ta phải tự kiến thiết; vô thượng giác ta phải tự tu chứng. Tự lực giải thoát là con đường duy nhất của mười phương các đấng Bạt-già-Phạm. An-lạc không phải cầu xin, trí giác không do cầu hỏi. Một điều *nữa, nước trong, bản chất là nước đục, hoa sen không mọc trên cát vàng cho nên người đạo Phật phải tự lực giải thoát ngay trong cảnh giới đau khổ mê muội. Lánh ngoài thế gian đau khổ để tìm giác ngộ, thì, kinh dạy, đó là đi tìm sừng thỏ. Đức Phật từng dạy: 10 người chia 2 tốp, 5 dốt nát, 5 thông minh, Phật tử trí giác không đứng vào hàng ngu thông minh mà phải hướng về tốp người ngu dốt dui dắt họ. Hoa Đàm muôn thuở người ta chỉ tìm thấy trong ao bùn, Giác Ngộ vô-thượng chỉ có bởi chúng-sauh.

Đặc điểm thứ mười của Đạo Phật là *hiện chứng thể nghiệm*. Đức Phật chỉ hướng dẫn chúng ta; chứ chân lý không phải là thứ đem quay phim cho người thấy Đức Phật là đạo sư, nhưng trí giác không phải là thứ ai dạy khôn cho ai. Cho nên đối với chân lý tối cao ta phải tự lực thể nghiệm. Sự tự lực thể nghiệm ấy không những áp dụng với tinh thần tự lực giải thoát mà thôi, mà còn đặc biệt chú ý đến sự hiện chứng. Thế nào gọi là sự hiện chứng? Ví dụ con đường đi đến Mai thôn hea

lệ có mười đoạn. Người đi không ham, không thể ham nhảy vọt đến Mai thôn không qua mười đoạn đường, mà phải đi từng bước, bước từng đoạn, được một đoạn là đến Mai thôn một đoạn. Con đường Vô thượng giác cũng vậy, nương theo lời Phật chỉ dẫn, ta phải bước từng bước, hiện chứng đến đâu thì nghiệm chân lý đến đó cho đến khi toàn giác. Đức Phật tạo cho ta cái thang nhưng không kéo giàn hoa xuống hay đẩy thang ta lên. Ta phải tự lực và trèo từng nấc thang lên giàn hoa chân lý. Trèo được nấc nào là tự thử nghiệm chân lý nấc ấy. Đối với chân lý chưa hiện chứng, chúng ta chỉ nói học không nói biết. Tinh thần tự chứng Đạo Phật là thế.

Do tất cả đặc điểm trên đây, chúng ta thấy Đạo Phật không chỉ là một tôn giáo, Đạo Phật là tất cả, đó là một đặc điểm vừa cuối cùng vừa trước hết của Đạo Phật. Cho nên một Phật tử không thực hành Đạo Phật bằng cách để hoạt động của mình chính vào sự lễ bái cầu nguyện. Mà Phật tử thực hành Đạo Phật là áp dụng Đạo Phật vào đời sống của mình, áp dụng vào tất cả mọi hoạt động. Căn bản của Đạo Phật là như thật, tinh thần Đạo ấy là bi, trí, dũng. Sống trong căn bản và tinh thần ấy, Phật tử tự nhiên không thể không phủ nhận sự điên đảo, sự tàn sát, sự manh động và sự nô lệ. Cho nên họ phải tự lực hành động để thượng thượng tăng tiến. Và hành động ấy không có khu vực phân trên không gian không có giới hạn trên thời gian, không có phạm vi trong tổ chức, không có khu phân trong trường hợp. Ở đâu và lúc nào, với ai và cảnh nào, Phật tử cũng áp dụng căn bản và tinh thần bi, trí, dũng của đạo Phật vào để tác động và chi phối, hầu tạo thành cảnh Tịnh độ, và đạo Phật là đạo bao trùm tất cả. Nói ngược lại, tất cả có tinh thần đạo Phật mới tốt đẹp.

— Vô thượng thay Phật pháp! Vô thượng thay đức Phật.

Người bạn Kiều-thi-Ca nói lời ấy một cách chân thành sau khi yên lặng chú ý nghe Kiều-thi-Ca trình bày những đặc điểm của đạo Phật.

Đằng kia dãy núi Hy-Mã, mặt trời sắp lặn. Ánh sáng sắp nhường cho đêm tối. Cảnh tượng ấy, Kiều-thi-Ca và người bạn không ai nói với ai, nhưng cả hai cũng vụt nghĩ: Chỉ có sự chiến đấu hợp lý mà xưa nay không ngừng là ánh sáng và bóng tối, và thế gian còn tối tăm thì người theo Đạo Giác-Ngộ là luôn luôn còn phải lặn lội trong mê khổ để giác-tha. Kiều-thi-Ca say sưa nói tiếp:

— Địa vị con người tuyệt đối phải có trong xã hội loài người, địa vị đạo Phật đối với con người cũng vậy tuyệt đối phải có. Một con người Hoa-Đàm một xã hội Hoa-Đàm sẽ thực hiện do ánh sáng Đạo Hoa-Đàm. Hương hoa Hoa-Đàm bắt diệt tung bay khắp tất cả ...

THAM THUYỀN THEO PHẬT - GIÁO

Tác-giả : ĐẠI-ĐỨC NYANATILOKA

Dịch giả : Cư sĩ QUẢNG-LUÂN

Tôi nhận thấy sự trình-bày vấn-đề tham-thuyền là khó khăn, Tôi biết phần nhiều độc-giả tập sách này sẽ còn ở trong địa-hạt mới lạ, khi xem vấn-đề thực-hành tham-thuyền. Trước hết, khó dịch những danh-từ chuyên-môn ra tiếng Đức cho đúng. Tuy vậy, tôi tưởng rất cần giải-bày tinh-túy của Phật-Giáo lúc cò-thời.

Tham-thuyền là căn-bản sự tu-luyện giải-thoát. Tham-thuyền là một phương-pháp mà nhiều vị Tăng-già ở Tích-Lan, Diến-Điện, Thái-Lan và Cao-Mên còn áp-dụng triệt-đề. Người ta còn thấy những vị Tăng-già ở rừng sâu, vắng-vẽ một mình để tìm giải-thoát, vì muốn tham-thuyền đúng pháp, cần một sự yên tịnh hoàn-toàn.

Có vị tăng-già ở dưới gốc cây, có vị ở trong hang hoặc ở trong lều nhỏ, lại có vị khác ở trong động, trong hố, giữa bãi tha-ma hoặc trong rừng sâu, trên những đồng rơm hay trên một đám-đất trống. Chẳng những các vị tăng-già sống như thế, mà có những cư-sĩ cũng tìm những hoàn-cảnh như vậy để tham-thuyền.

Mỗi cách tham-thuyền có thể đạt những mục-dích khác nhau, nhưng mục-dích cứu-kính có thể đạt trực-tiếp hoặc gián-tiếp là cảnh giới Niết-bàn, nghĩa là giải-thoát tham, sân, si.

Mục đích cứu-kính ấy của Phật-giáo không phải do tụng kinh, cầu nguyện hoặc do lễ bái mà đạt được. Theo lời Phật dạy, tin tưởng vào những nghi lễ bề ngoài là, một trở-lực trên đường giải

thoát (Niết-bàn). Đường giải-thoát độc-nhứt là mở mang tham-thuyền (Samadhi) và Đại tham thuyền, là sự chú-ý sáng-suốt và sự suy-xét, căn-cứ vào giới-luật hay là « Sila » (Thi-la).

Trong Kinh Samyutta Nikaya, Đức Phật dạy; « Nầy các Tỷ-Kheo, Niết-bàn là gì? Niết-bàn là giải-thoát tham sân, si. Và đường nào hướng-dẫn đến Niết-Bàn? ấy là tâm-thần an định (Samatha) và tâm thần sáng-suốt (Vipassanâ).

Danh từ mà chúng tôi thường dùng trong bài này có nghĩa về văn-ngôn là: phát-sanh, biểu-dương, phát-triển.

Chữ Baly là Bhavana. Bhavana có hai thứ:

1) Samatha-Bhavana;

2) Vipassanâ Bhvânâ, an-định an-lạc hay là Samatha Bhavanas; chú-ý mãnh-liệt là Samadhi, nghĩa là trạng-thái, tâm-trí yên-lặng, không lay động.

Trong sách nhan-đề Sankhepavannanâ, có chép rằng trạng-thái tâm thần an-lạc ấy sanh ba điều lợi-ích:

- 1 — Tái-sanh ra một loài có nhân-duyên tốt.
- 2 — Hưởng sự sung-túc hiện tại;
- 3 — Có trí-huệ suy-xét dễ-dàng;

« Suy xét » nghĩa là nhận-thấy sự vô-thường, sự đau-khò và sự vô-ngã sau ngũ-âm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Trạng-thái tâm-thần sáng-suốt ấy làm cho con người có năng lực tự-giác và tiến tới Niết-bàn. Tâm-thần an-định (Samadhi), tách riêng ra một mình không giúp cho chúng ta giải-thoát vĩnh-viễn được, chỉ sự chú-ý tâm-thần là căn bản cho sự nhận thấy sáng-suốt để đạt trí tuệ cao-thượng.

Đức Phật có dạy; « Nầy, các Tỷ-Kheo, các người nên quán-tưởng, tâm-trí nhập định làm chúng ta nhận thấy mọi vật đúng như thật-tướng của chúng nó ».

Trong sách Milinda-Panha, có chép về phép quán như sau này: « Khi đem đèn tới chỗ tối, đèn chiếu ánh sáng, phá tan bóng tối nhờ vậy, mọi vật chung quanh đều tỏ rõ; cũng như vậy.

phép quán-tưởng làm tan vọng-tưởng vô-minh và đem lại ánh-sáng của tri-tuệ».

Phép quán phát sanh thông-tuệ và làm hiển lộ bốn Diệu-Đế; một Tăng-già đã tập luyện giỏi phép quán, nhận thấy rõ-ràng sự vô-thường, sự đau khổ và sự vô-ngã của mọi sắc-tướng.

Giới luật (hay là Sila) là một căn-bản cần thiết để mở-mang sự yên-tĩnh tâm thần hay là quán-tưởng, mà cũng nhờ giới luật (Sila) mới được yên tĩnh tâm-thần, là căn bản cần-thiết cho vipassanâ (nhập-định hoàn-toàn) và thông-tuệ là điều kiện cần yếu để tiến lần từng cấp-bậc, đến cảnh-giới siêu-thể thế-gian cảnh-giới Niết-Bàn. Tập-luyện Vipassanâ, hay là mở-mang sự suy-xét cần phải nhận xét triệt-đề và phân tích tất cả các biến-chuyển của đời sống con người), tức là các sắc, thọ, tưởng, hành, thức, phải nhận-xét sự vô-thường, sự hư-không, sự vô-ngã thuộc trí-thức hoặc thuộc vật-chất (attâ hay là puggala, hay là satta). Sự thật «Anatta» hay là sự thật vô-ngã của các sắc-tướng của đời sống là trung-tâm của Phật-giáo. Sự thật Anatta quan-diêm độc-nhứt, đặc biệt trong Phật-Giáo, quan-diêm tối cần-thiết để tiến trên đường giải-thoát.

Các giáo-lý khác cũng có trong các tôn-giáo, tham-thuần cũng áp-dụng trước khi Đức Phật xuất thế; đức «Tứ» thì các tôn giáo khác cũng có dạy, vô-thường và đau-khò các Đạo khác ở Ấn-Độ cũng có luận đến. *Chỉ có sự thật Anatta là do đức Phật thuyết minh.* Và lại điều ấy là đặc tính độc-nhứt của Phật-giáo, và điều ấy làm cho Phật-pháp như một lâu-dài, đứng vững hay là sụp-đổ.

Hiểu thấu Anatta là điều-kiện dự-bị để hiểu đúng đắn bốn Diệu-Đế về sự đau-khò. Không hiểu-thấu Anatta thì không thể giải-thoát.

Giáo-lý Anatta chỉ có trong Phật-giáo, nên chúng ta nói không sai rằng Tôn-giáo ấy dạy một cách thực sự cho chúng ta đường giải-thoát.

Đến đây, tôi phải nói đến giây (Thập-triền) (sannojana), ấy là kết thúc những sự cấu-tạo của đời sắc-tướng. Mười giây ấy,

Có thể cỡi ra được nhờ mở-mang trí-tuệ, nhờ thấu rõ sự vô-thường và nhờ sự tu-luyện qua bốn bậc, rồi đạt đến mục-dịch cứu-kính. Mười giây ấy là :

1. — Sakkayaditthi hay là tin có một thân thể riêng biệt với một linh-hồn, làm cố cho một bản-ngã (entitéégo) hay là Attá.

2. — Vicikicchá hay là nghi-ngờ.

3. — Silabbata-parámsá, tin cậy vào phù-pháp và lễ-bái.

Trong bậc thứ nhứt trên đường giải-thoát, ba giây đầu-tiên đã biến mất. Bậc thứ nhứt là Tu-dà-hoàn (Sotapanna) hay là nhập-lưu. Khi ấy, người Phật-tử đã nhất định vào giòng, dẫn đến Niết-Bàn, và không trở lại nữa. Bậc ấy cùng các bậc mà Phật-tử sẽ trải qua, là nhờ nhập-định hoàn-toàn (vipassaná).

Giây thứ 4 và thứ 5 là kámáraga (hay là nhục-dục) và patigha (hay là ác-ý).

Vào bậc thứ hai trên-dường giải-thoát, thì hai giây này đều trở nên hoàn toàn mỏng-mảnh. Phật-tử đến bậc ấy gọi là Tu-Đà-Hàm (Sakadágámin) hay là hạng trở lại một lần mà thôi. Hai giây ấy sẽ tiêu diệt, khi nào Phật-tử vào bậc thứ ba; gọi là A-na-hàm (Anágámin) tức là hạng không trở lại trong ý-thức giới.

Giây thứ 6 đến giây thứ 10 là :

6 — Rúparága hay là tham-luyến sắc-tướng.

7 — Arúparága hay là tham-luyến vô-sắc-tướng.

8 — Mâna hay là kiêu-căng.

9 — Udhacca hay là trí tán-loạn và

10 — Avijjá, vô-minh hay là vọng-tướng.

Khi vào bậc A-La-Hán (Aráhattan), giác-ngộ hoàn-toàn thì 5 giây ấy tiêu-diệt. Vì A-La-Hán (Arhat) đã đến Niết-Bàn, tức là đã đạt đến trạng-thái thoát-ly tham, sân, si. Tôi muốn nhấn-mạnh thêm sự quan-trọng củ Vipassana, là căn-bản cần thiết cho tâm-thần an-lạc. Muốn đạt được trạng-thái tâm-thần an-lạc ấy (Samathabhavana); thì phải tập-luyện quán-tướng lâu ngày. Trong cách Abidhamma, có chép 40 phép quán. Những phép thường thức

là cách tập với casina (có thể gọi là cốt), 10 cách quán-tưởng về thi-hài (hay là Asubhabbhavana), 10 tư-tưởng (hay là Anussati), 4 đức-tính vô biên hay «tịnh-độ» (Brahma-vihâra-Bhâvanâ) và ânâpasatti, quán-tưởng về hô-hấp.

Trước khi trình thêm những chi-tiết về các cách tu-luyện tham-thiền (Samadhi), tôi xin kể qua các cấp-bậc về quán-tưởng, và các thiền là những trạng-thái tự giác sâu-xa (jhâna) mà tâm-thần nhập-định (samâdhi).

Có ba nhập-định (samâdhi):

- 1 — Bậc nhập-định sơ-cơ hay parikamma-samâdhi.
- 2 — Bậc nhập-định gần hay là upacana-samâdhi và
- 3 — Bậc nhập-định hoàn-toàn hay là appanâ-samâdhi.

Khi nào mục-tiêu nhập định đã đạt được tức là nhập định sơ bộ Chúng ta nhận xét những phản ứng đặc biệt của tâm trí (gọi là patibhaga-nimitta) mà biết được nhập định gần. Vấn đề ấy, chúng tôi sẽ giải bày sau.

Chúng ta đạt được nhập định hoàn toàn (appana-samâdhi) trong các thiền (Jhâna) là trạng thái tự-giác sâu xa. Trong khi nhập thiền (Jhâna) chúng ta hiểu thấu sự tự giác sâu xa của trí, trong hoàn cảnh yên lặng và nhờ sự quán tưởng đồng mãnh. Trong trạng thái ấy những cảm xúc của các giác quan đều tiêu diệt, không còn cảm xúc của thị giác và thính giác, không còn cảm xúc về thân thể, trong trạng thái ấy, người Phật Tử tưởng như chết. Thường-tâm đã mất, chỉ trí còn hoạt động. Đệ nhất thiền là một trạng thái yên tịnh siêu thường, đầy hoan hỷ. Nhưng trong trạng thái ấy, năng lực trừu-tượng của trí, tức là năng lực riêng biệt của trí còn tác động.

Trong đệ nhị thiền nhờ những tập luyện quán tưởng đồng mãnh, nên những hoạt động tầm thường của trí đều biến hết một trạng thái hoàn toàn hoan hỷ phát sanh, thoát ly mọi tư tưởng tìm tòi.

Đến khi hết trạng thái «xuất thần nhập hóa» (extase), Phật Tử vào đệ tam-thiền, là trạng thái cảm giác an-lạc thanh tịnh.

Trong đệ tứ thiền, Phật tử vào một trạng thái an lạc cụ thể. Đó là các điềm trong bốn thiền hay là tự giác. Bốn thiền (Jhāna) là những biểu hiệu của một cuộc đời giác ngộ.

Nay chúng tôi xin giải bày những chi tiết của các phép tu luyện quán tưởng. Mười phép tu luyện với « cốt » (casine) là những phương tiện ở ngoài thân, để hướng dẫn vào các thiền (Jhāna) hay là quán tưởng sâu rộng.

Có 4 cốt thuộc về màu sắc, 4 cốt thuộc các đại một cốt thuộc về không gian, một cốt thuộc về ánh sáng.

Tập luyện tham thiền với cốt, có thể làm với những cái đĩa có màu sắc, hay là những bông hoa, hoặc là những tấm vải màu vân vân . . . tập luyện với « cốt đất » có thể làm bằng cách chúng ta trông ra xa hay là trông một đám đất có dốc, hay là tốt hơn là chăm ngó vào một đĩa bằng đất. Tập luyện với cốt « nước », chúng ta có thể làm bằng cách trông vào một hồ nước sâu, hoặc một bể cạn có nước.

Tôi xin dẫn ví-dụ một cốt màu xanh, nghĩa là một đĩa màu xanh (parikamma-nimitta) để giải-thích sự tập-luyện với cốt. Chúng ta chăm ngó trên đĩa ấy và chúng ta tập quán-tưởng sơ-bộ (parakamma-samādhi). Trong khi chúng ta ngó đĩa ấy, chúng ta cố-gắng xua đuổi xa trí mọi cảm-xúc ngoại-lai hay là tư-tưởng có thể làm xao-lãng. Đồng thời trí đã thấm được sự nhận-thức ấy, cái đĩa kia, đối với trí, chẳng phải là một vật chất nữa và trở thành rõ rệt thêm tự như một hình-tượng tâm-thần.

Chúng ta mở mắt hay nhắm mắt, hình tượng cái đĩa lại càng hiện ra trong trí như một vành trăng sáng. Khi cảm giác ấy đã phát sanh trong trí như khi trước chúng ta lấy mắt mà xem, người ta gọi là « hình-tượng đã thành » (Uggaha-nimitta).

Không phải nhờ thị-giác mà phát sanh hình-tượng, gọi là « hình-tượng đã thành »; ấy là chỉ nhờ trí (manomaya).

Khi nào trong trí đã phát-sanh hình-tượng ấy, một cách chắc-chắn, không thể biến mất, chúng ta có thể đổi chỗ ngồi và tập-

luyện thêm. Nhờ tuệ-nhãn mà hình-tướng ấy đã hiện ra được, thì nó lại càng thêm tinh-khiết, càng thêm tỏ-rõ cho đến sáng rực như Sao-mai.

Điều ấy là cách phản-ứng và khi ấy là nhập-định gần (upacâra-samâdhi).

Đến trình-dộ quán-tưởng ấy, tất cả các chướng-ngại (nivarana) đều biến-mất chẳng còn tham-vọng, chẳng còn oán-hận và ác-ý; chẳng nghi-ngờ, hết mệt-trí, hết vọng động hay là tán-loạn. Nếu các trạng-thái chướng-ngại ấy còn phát-sanh, thì chẳng có tâm-cảnh an-lạc thật-sự. Giữ-gìn được « hình-tướng phản-ứng » ấy trong trí, thì chúng ta quán-tưởng được hoàn toàn (appanâ-samâdhi), ấy là, nhập sơ-thuỳên. Nhờ sự quán-tưởng đồng-mãnh, kiên-cố, chúng ta trải qua tất cả bốn-thuỳên như đã trình bày ở trên.

« Quán-tưởng về thi-hài » để phát sanh lòng chán-ghét nhục dục, điều ấy làm cho trí được tự-do và có khả-năng cảm giác thú-vị tham-thuỳên. Khi nào trí thoát-ly tình-dục, thì trong trí phát khởi an-lạc. Các mục-tiêu dùng để « quán-tưởng về thi-hài » là : một thi-hài thịnh-lên, một thi-hài đương thúí-nát, một thi-hài bị trùng ăn, một bộ xương-người, vân vân . . .

Có mười Anusattis hay là quán-tưởng, mà ba quán-tưởng đầu tiên, thường-thức hơn là :

Quán tưởng các đức-tính của Phật-Đà.

Quán tưởng các đức-tính của Phật-Pháp.

Quán tưởng các đức-tính của Tăng-Già.

Ba quán-tưởng về Phật, Pháp, Tăng, dùng làm đầu đề để tham-thuỳên ở các xứ theo Phật-Giáo, như Diên-Điện, Tích-Lan, Thái-Lan. Phật-tử, lớn và nhỏ, mỗi ngày tham-thuỳên về các đầu đề ấy trước một tượng Phật, sau khi dâng hương hoa lên Bửu-Tọa.

Các đầu-đề tham-thuỳên khác, như Brahmavihara-Bhâvanâ, là Từ, Bi, Hỷ, Xả.

Tập phát-triễn đức Từ, phải làm như thế này : Phổ biến khắp thế-gian tư-tưởng đầy thương-yêu, chẳng phân biệt bạn-bè hay thù-

dịch, người đạo-đức hay là phạm-phu. Lòng thương-yêu ấy bao trùm, chẳng những nhân-loại, mà tất cả sinh-vật, cho đến loài sâu bọ nhỏ-mọn. Phật-tử quán-tưởng hòa-hợp với tất cả chúng sinh, và cầu nguyện : « Nguyện tất cả chúng sinh được an-lạc ! thoát-ly tham-vọng, đau-khổ ! »

Nhờ quán-tưởng đức Từ, tâm gọn-lọc hết lòng giận, ác-ý và thù-hoạch được an-lạc. Phật-tử cũng theo cách ấy mà tập-luyện quán-tưởng về đức Bi và đức Hỷ.

Trong ba phép quán-tưởng ấy, chúng ta phải đặc-biệt tư-tưởng một nhóm người nhứt định, tưởng đến những người đi ngoài đường, những người trong một thành phố, một xứ, cả thế-giới với tất cả chúng sinh, từ sinh vật hạ-tiện cho đến sinh-vật thượng đấng trên thế-gian.

Trong Kinh điển có chép :

Vị Tăng-già phóng tư-tưởng đầy từ, bi, hoặc hỷ, ra một hướng, kể đến một hướng thứ hai, một hướng thứ ba, một hướng thứ tư, rồi phía trên, phía dưới, khắp cả đông, tây, nam, bắc, tứ-duy, thượng-hạ. vị tăng-già ấy tư-tưởng hòa hợp với tất cả chúng sinh khắp cả thế-giới với lòng từ, bi, hỷ và dội khắp cả vũ-trụ tư-tưởng ấy, chỗ xa cũng như chỗ gần, không hạn-lượng. Trong khi ấy, vị tăng-già cảm-giác tâm-trí thoát-ly oán-hận và ác-ý.

Phép quán thứ tư là quán-tưởng về đức « Xả » (upekha). Trong khi quán-tưởng ấy, tưởng đến mọi sự, mọi vật với một lòng thanh-tịnh (trong-sạch). Với một lòng rất yên-lặng không xao động, trí vị tăng-già quán-tưởng phú-quí cũng như bần-cùng ; hạnh phúc cũng như tai-họa, không có lòng ganh-ghét hoặc tham-luyện, vượt qua lòng thương-yêu hay là thù-oán lòng vui-sướng hay là phiền-não.

Cách phân-tích nội-giới thân-tâm trình bày trên này, cũng đủ cho chúng ta hiểu phương pháp tham-thiền.

Các cách tập luyện quán-tưởng không làm cho chúng ta đạt đến một tâm-trạng giống nhau. Có cách chỉ giúp chúng ta nhập-định gần (upacara-samādhi), là chưa phải đệ nhứt thiền (jhāna thứ 1). Quán-tưởng Tam-Bảo (Phật-Pháp-Tăng) cũng nhập-định gần được.

Quán-tưởng thi-hài có thể giúp chúng ta vào đệ-nhút-thuyền Tập tham-thuỳen với « cốt » (casina), như tham-thuỳen về Xả, có thể làm cho chúng ta đạt được bốn thuyền (jhâna).

Cách quán-tưởng với cốt màu-sắc thích-hợp cho những người có tánh giận; người hay lãng-trí nên quán-tưởng về hô-hấp. Cốt dùng cho người hay lãng-trí quán-tưởng, phải theo khuôn-khò hẹp thì tốt hơn.

Các phép quán (Samâdhi) kể trên chỉ giúp ta đạt được trạng thái nội-giới an-tĩnh (samatha). Trạng thái an-tĩnh như tôi đã trình bày, là một điều-kiện sơ-bộ cần-thiết để tập luyện nhập-định hoàn toàn (vipassanâ) nghĩa là để phát khởi, mở-mang trí-tuệ sáng-suốt mà tiến theo từng cấp bậc trên đường giải-thoát cứu-kính là Niết-Bàn. Nhưng không cần đạt bốn thuyền (jhâna) để nhập-định hoàn-toàn (vipassanâ).

Miền cho nhập được upacâra-samâdhi là đủ; nhưt là trong các trạng-thái jhâna, thì vipassanâ (tâm-thần thông-tuệ) cũng không phát-sinh. Trong khi quán-tưởng vipassanâ, những tư-tưởng triu-tượng và phân-giải đều cần thiết những tư-tưởng triu-tượng trong đệ-nhút thuyền rất yếu-đuối, và lại biến mất trong ba thuyền cao siêu hơn.

Kết luận, tôi xin dẫn một đoạn trích trong giáo-diễn Bali về vấn đề tham-thuỳen. Ấy là tinh-túy của phép tu-luyện giải-thoát theo Phật-giáo. Đoạn giáo diễn ấy là Kinh Satipatthâna-Sutta nói về bốn căn-bản của sự giác-ngộ. Trước khi chép lại Kinh ấy, tôi xin giải bày thêm về lý-thuyết « Quán-tưởng » (Sati).

« Sati » quán tưởng nghĩa là phát sanh tư tưởng và ký ức, trong khi tâm trí trong sạch và không xao lãng. Không quán-tưởng, thì không thể có nhập-định (samâdhi), không quán-tưởng thì Phật-tử không thể tấn tới trên đường phát triển an-lạc tâm thần (samathâ) và tâm thần thông tuệ không thể có được. Kinh Satipatthâna Sutta dạy rằng :

« Chi có một đường để tu thân, một đường hàng phục phiền não, một đường để diệt trừ đau khổ, một đường để sống cho

chánh đáng và nhập Niết-bàn. Đường ấy là đường bốn quán-tưởng căn-bản hay là Sati-patthana, bốn quán-tưởng căn-bản ấy là :

- 1 — Quán-tưởng sâu về thân-thê (sắc),
- 2 — Về thọ (cảm giác)
- 3 — Về tưởng (tu-tưởng)
- 4 — Về hành (vọng-tưởng)

Đề tu luyện quán tưởng, vị tăng già đi vào rừng hoặc đến dưới cây đại thọ hoặc tìm một nơi khuất tịch. Đến đó, vị Tăng-già ngồi và giữ gìn tâm thần sáng suốt. Với tâm thần sáng-suốt, người thở ra ; với tâm thần sáng suốt, người thở vào ; người nhận thức sáng suốt khi đi, khi đứng, khi ngồi, khi nằm. Nhận thức sáng suốt khi đứng dậy và đi, khi thấy và gặp vật gì, nhận-thức sáng-suốt khi co và duỗi tay, nhận thức sáng-suốt khi bước, khi đứng, khi nằm ngủ hoặc thức-dậy, nhận-thức sáng-suốt khi nói, khi lặng.

Vị tăng-già, suy nghĩ thân mình từ đầu xuống chân nói : thân ấy đầy ô-uế, đây là lông, đây là móng tay, đây nữa là răng, da, thịt, phân, nước tiểu, vân vân ...

Tuy nghĩ sâu xa thêm, vị tăng già thấy bốn đại của thân-thê tướng-tượng bốn đại ấy, thấy một thi-hài nằm giữa bãi tha-ma, thấy thi hài ấy một, hai hoặc ba ngày sau khi chết da thịt đã biến đổi, trở màu xanh, thối nát lãn lãn. Và vị Tăng-già ấy kết luận : thân tôi cũng ra vậy, mà tôi cũng không làm sao ngăn cản điều ấy được.

Sau lại, vị tăng-già tưởng-tượng thấy một thi-hài bị quạ rút và sói lang ăn, và biết thân mình rồi cũng như thế. Tưởng-tượng thấy một bộ xương người, thấy từng cái xương rời rạt, đây là xương tay, đó là xương chân, xương đầu gối rời chỗ này xương sọ nằm chỗ khác, cách xa ; thấy một đống xương, thấy một đồng trần cẩu và thấy kết cuộc của thân-thê mình : thân tôi tạo thành cũng do các luật ấy chi phối, rồi trở nên như vậy, tôi không làm gì ngăn trở được.

Như vậy, vị tăng-già xét thân mình, xét các vật ngoài thân, xét các phần-tử của những vật ấy và biết các vật ấy sẽ hoại-vong thế nào. Nhưng vị tăng-già biết đó chỉ là một thân-thề, thân-thề ấy không chứa, không tàng-trữ một cái « bản-ngã », sự nhận-xét ấy hiển-lộ rõ ràng, vị tăng-già sống tự-lập và không tham-luyến thế gian. Vị tăng-già tập-luyện suy-xét thân-thề mình. Xét rõ-ràng với ý-thức mọi cảm-giác (thọ). Khi nào có một cảm-giác phát-khởi trong thân-tâm mình, vị tăng-già xét chăm-chỉ cảm-giác ấy vui hay buồn, cảm-giác ấy thuộc về thân hay tâm. Thấy các cảm-giác phát-sanh, biến đi cách nào, nhưng không nhận-thấy phía sau các cảm-giác ấy có một « bản-ngã » tiềm-ẩn.

Sâu xa hơn vị tăng-già kiểm-soát với ý-thức sáng-suốt nhưng tư-tướng của mình, xét khi nào phát-sanh ra một tư-tướng tham, sân hay si, xét khi nào tâm-trí mình thoát-ly tham sân, si, xét khi nào tâm-trí tán-loạn, xét khi nào tâm-trí yên-tĩnh. Xét mọi tư-tướng phát-khởi và tiến mất thế nào, và nhận xét đó chỉ là những tư-tướng và phía sau các tư-tướng ấy chẳng có « bản-ngã » hay là atta tiềm-ẩn.

Sâu xa hơn nữa, vị tăng-già kiểm-soát mục-tiêu của tư-tướng mình (dhammâ). Xét thấy khi nào năm chướng-ngại vật thuộc tâm-trí phát-khởi ra. Xét năm chướng-ngại vật ấy phát-khởi và biến mất thế nào, và nhận thấy phía sau năm chướng-ngại vật ấy, không có bản-ngã tiềm-ẩn. Tự phân-tích sáu giác-quan và các vật tương-quan; và nhận thấy các điều chướng ngại phát-sanh ra. Nhận thấy các sự vật (các pháp) hiện ra và biến mất thế nào, và thấu rõ phía sau các sự vật ấy không có bản-ngã tiềm-ẩn.

Vị tăng già ấy xét khi nào một trong bảy giác-chi (bojjhangas) phát khởi hay là tự-tại trong tâm trí mình; xét khi nào các giác-chi ấy biến đi. Xét khi nào các giác-chi ấy phát-triền. Và thấu rõ phía sau các vật ấy, không có một bản ngã tiềm-ẩn. Nhận thấy sự đau khổ, nhận thấy nguyên nhân sự đau khổ, nhận thấy lợi ích sự diệt trừ đau khổ, nhận thấy cái đường (đạo) hướng tới cảnh giới hết đau khổ.

Vị Tăng-già thấy các sắc tướng phát khởi thế nào, biến đổi thế nào, thấm rõ đây chỉ là sắc tướng và nhận thấy phía sau các sắc tướng ấy không có bản ngã tiềm ẩn. Và vị Tăng-già ấy sống tự-lập và không tham thuyến gì ở thế gian.

Người nào tu luyện nhất tâm quán tưởng như vậy về bốn điểm căn-bản ấy có thể sau thời-gian bảy năm, hoặc bảy ngày nhập Niết-bàn.»

Cuối bài kinh ấy, cũng như ở đầu bài, có nói:

Bốn điểm căn-bản của quán-tưởng là đường độc nhưt đề hàng phục phiền não, đề diệt trừ đau khổ, đề theo đường chánh và nhập Niết-bàn.

(Bà S.STORK dịch bản chữ Đức ra chữ Pháp đăng trong tập sách «Deux Essais sur le Bouddhisme».)

Những Mẫu Chuyện Đạo

(Phông theo lời thuật của Bà S. KARPELÈS)

MINH-CHÁU phông dịch

Ảnh hưởng của đạo Phật đối với những tâm hồn bình dị như thế nào? Dưới đây là một vài mẫu chuyện tai nghe mắt thấy ở xứ Lào và Cao-Mên xứ sở của Phật-Giáo Tiều-Thừa, của những Phật-tử thuần thành đã tập sống đúng như lời Phật dạy.

(S. KARPELÈS)

1) Một đám hỏa táng ở Lào.

Đây là một cánh đồng rộng, gần một con sông đã cạn, và trên một đám đất lồi lõm, dựng lên giàn hỏa. Một vài người, mình trần, ngồi chờ đám tang đến để làm lễ thiêu xác. Các quan tài bằng gỗ tạp, có dán những giấy nhiều màu, được để trên giàn hỏa. Tang gia, mặc toàn màu trắng, đàn ông đầu cạo, đứng riêng một bên để 22 vị Tăng già đến làm lễ, tụng kinh trước giờ hỏa táng. Người chết là một người chồng vừa 22 tuổi, vậy nên mới mời 22 Thầy Tăng già làm lễ tụng kinh, bởi vì muốn tụng kinh cầu nguyện, cần phải mời cho đủ số Thầy với số năm của người chết đã sống ở trên đời.

Người quả phụ trẻ tuổi, đứng thẳng trong bộ đồ tang phục trắng toát, hình như thân nhiên trước cảnh tượng sắp được diễn bày: Nàng đứng im, lặng và bình tĩnh. Khi chồng nàng còn đau nặng, nàng có quyền than khóc đau khổ, nhưng khi chồng đã thở hơi cuối cùng, nàng tự hiểu chống trả lại số mệnh là vô ích, và dấu kín mọi sự biểu lộ của đau khổ, nuốt nước mắt, nên lòng thương, nàng đứng trước sự chết, như thân nhiên và can-đảm.

Trong sự im lặng của đồng quê, lúc về chiều, vạn vật sắp sửa ăn mình trong bóng tối của đêm đen, hai thầy Tăng già liền rời khỏi những bạn đồng tu tay cầm cái y của người chết mặc trước khi nhắm mắt, đứng hai bên quan tài, cuốn tròn cái áo, rồi quăng qua quăng lại hai ba lần trên quan tài, để tượng trưng cho lý Luân Hồi, con người sống chết không bao giờ dừng nghỉ. Rồi hai vị Tăng già liền thông thả, tụng đọc câu kệ sau này, nói về sự vô thường của muôn vật :

Annica vata sankhara
Uppadavaya dhammino
Uppajitva nirujjhanti
Tesam vupasamo sukho

« Sự thật, các pháp sanh từ một nhân, đều vô thường »
Các pháp chịu sự chi phối của định luật đã chi phối tất cả những pháp có một nguyên nhân.

Bởi vì có sanh, nên các pháp có diệt.

Và nhờ sự tàn diệt của các pháp, mà phát sanh hạnh phúc »

Rồi hai thầy ấy trở lại chỗ cũ, và tất cả đều tụng bài kệ sau này, không khác một giàn nhạc người :

Aoiram vata yam kayo
Pathavim adhisessati
Chuddho apeta vinnano
Nirattham kalingaram

« Thân này rồi sẽ bị chôn dưới đất »

« Bị khinh bỏ và nằm một chỗ »

« Giống như một bó củi mục »

« Không lợi ích được chút gì »

Anabbhito tata agatô
Ananunnato ito gato
Yatha gato tathagato
Kâ tattha paridevana

« Con người đến đây không ai mời »
« Con người bỏ đi không ai sai bảo »
« Cũng như khi đã đến, con người nay lại bỏ đi »
« Vây than khóc đau khổ mà làm gì! »

Yatha idam tatha etam
Yatha etam tatha idam

Giống như những cái đã qua như kia, cái nay cũng như vậy.

Giống như những cái đã qua như nay, cái kia cũng như vậy. Rồi những vị thầy tu tránh xa, và lễ hỏa táng bắt đầu. Người bà con lớn tuổi nhất của người chết cầm một bó đuốc lớn cùng với những người bà con khác đi xung quanh quan tài ba vòng và thắp lửa xin lỗi linh hồn người chết, những cử chỉ không tốt của mình đã làm đối với người xấu số. Giàn củi được châm đốt, cháy rực rỡ, những ngọn lửa liếm đốt quan tài và chói sáng người quả phụ đang thẫn nhiên nhìn khoảng chân trời vô tận. Mặc dầu đau đớn, nàng hiểu được rằng, ở cõi trần này, mọi vật là vô thường. Những bài kệ của các vị Tăng Già tụng đọc làm nhẹ bớt sự đau khổ của nàng, và dần dần giúp nàng tiến bước trên đường hạnh phúc giải thoát.

2) Những phút cuối cùng của một bậc tu hành.

Một bậc tu hành danh tiếng, đau nặng biết mình sắp chết, cho mời lời đến. Lời bước vào trong phòng. Vị tu hành nằm nghỉ trên một chiếc chiếu trải gần sát đất, thân hình khô gầy đập tâm y vàng, và gương mặt yếu xanh như phản ảnh bức tượng của đức Thế Tôn sau 6 năm tu khổ hạnh. Hai con mắt sâu thẳm chói sáng như hai ngôi sao giữa hai giếng nước không đáy.

Trong một góc phòng, tất cả những người bồn đạ đều đứng một chỗ. Góc bên kia là các bậc Đại Đức Thượng

Tọa và những vị đệ tử xuất gia. Một sự im lặng tôn nghiêm trùm khắp gian phòng, làm chúng tôi hơn một trăm người đều đồng chung một tâm niệm: nhớ nghĩ đến người sắp mất.

Sau một vài phút, vị tu hành giọng hết sức tàn kêu gọi xung quanh mình những vị đệ tử thân tín, có thể nổi nghiệp truyền đạo, và bảo mỗi người hãy giải bày sự hiểu biết riêng của mình đối với lời của người đã giảng dạy. Mỗi vị đệ tử đều cúi mình đánh lễ 3 lạy trước thầy, rồi lui về phòng bên cạnh, để tĩnh tâm suy nghĩ một vài phút. Giờ phút rất là nghiêm trọng, chúng tôi chỉ nghe tiếng hơi thở hấp hối của người sắp chết. Rồi mỗi vị đệ tử lần lượt đến trước thầy đánh lễ và trình bày cho thầy rõ kết quả sự hiểu biết của mình. Một nỗi vui sướng thầm lặng hiện rõ trên nét mặt của bậc Hiền Đức, và khi vị đệ tử sau cùng đã lui về chỗ cũ, vị tu hành nhận hiểu được rằng mình đã không phản bội lời dạy của đức Phật và liền nhắm mắt lại. Liên khi ấy, một vị Sa Môn đến cúi mình trên vị Tu Hành, tay cầm một ngọn nến, ánh đèn chiếu sáng gương mặt ốm yếu nhưng rất bình tĩnh. Tức thì vị Hiền đức kia liền xoay mặt về phía các vị đệ tử xuất gia và tại gia, như để tin mọi người biết rằng thầy của các người cũng giống như ngọn đèn cạn dầu, đã từ già cõi đời già tạm mà tiến đến tự tại.

Một vài vị đệ tử không thể đè nén nỗi sự đau khổ, thầm lặng tự khóc một mình, các vị khác trấn tĩnh được nhưng hình như bị sự đau khổ làm té tái cõi lòng. Trong, khi ấy, các vị tăng già thân nhiên niệm Phật, tiếng niệm Phật vang dậy cả một gian phòng, mà mỗi tiếng mỗi âm vận, mỗi ý nghĩa như khắc sâu trong tâm của chúng tôi.

Sablè sankhara dukkha, ti
Yadha pannaya passati
Atha nibbindati dukkha
Esa maggo visuddhiya

« Đức Phật dạy rằng : mọi nghiệp tác động là đau khổ »
« Khi con người nhờ Trí Huệ, hiểu biết được sự thật ấy »
« Con người được thoát khỏi sự đau khổ,
« Và đã tự tìm được con đường đưa đến Giải-thoát

Thanh-tĩnh »

Những vị Đệ tử của vị Tăng già vừa mới viên tịch đã biết hướng tiến trên con đường Giải thoát Thanh tịnh, đã biết xua đuổi sự đau khổ, nhờ vậy mới có thể tiếp nối công nghiệp hồng pháp của thầy đã giao phó và đền đáp trong muôn một công ơn vô lượng vô biên của đức Bổn Sư.

3) Phật tử trước sự chết.

Đây là xứ Cao Mên rừng rú rậm rạp, lại gặp tiết trời mưa, nước chảy như xối làm trời đất đổ thành từng giòng máu bùn ngập đến mắt cá, người vật đi lại rất khó khăn, người nào da cũng vàng úa và run cầm cập vì sốt rét. Không khí nặng nề và âm thấp đè nặng trên đoàn người chúng tôi cả phần tinh lẫn lẫn vật chất.

Chúng tôi đứng nghỉ, một vị Tăng già lớn tuổi, một người đệ tử của vị ấy và tôi, trong một trạm nghỉ ăn kén giữa rừng rậm hoang vu, và chính ở chỗ ấy, tất cả mọi người sẽ nhóm họp lại, trong một thời gian, quên tất cả sự đau khổ về vật chất và tinh thần, để nghe những lời giảng dạy về Phật pháp của vị Tăng già.

Nhưng lúc vị Tăng già vừa bước xuống xe, thời một người đàn bà còn trẻ tuổi thì gieo thân xuống dưới chân bậc Đại Đức, cúi vái ba lần đứng như sự kính lễ thường lệ đối với một vị Đại biểu cho Phật-Giáo, rồi

nàng nức nở khóc to, vì rằng con nàng vừa mới chết. Nàng không có đủ sức để tự chủ, nàng chỉ biết nghĩ đến sự đau khổ ghê gớm nàng phải chịu, nàng thương nhớ đứa con nàng mà bệnh sốt rét đã cướp khỏi tay nàng. Thái độ của vị Tăng già như thế nào? Rất bình tĩnh và không biểu lộ một sự cảm động rõ ràng gì, vị Tăng già đứng lặng trong khi người đàn bà nằm phục đất, không thể đứng dậy được,

Rồi một lát sau, vị Tăng già, vẫn đứng im một chỗ cũng ngó xuống người đàn bà nằm dưới chân mình, và hỏi rằng vì sao lại khóc như vậy? Làm sao người có thể tìm lại sự bình tĩnh của cõi lòng nếu tự để cho sự đau khổ dày vò nhiếp phục. Nếu người không biết trấn tĩnh và tự chủ, thòì làm sao có thể tiến trên con đường giải thoát được. Hay người đã quên câu chuyện hạt cải của nàng Kisha Gotami cũng bị đứa con chết và trong sự đau khổ, đến tìm đức Phật để cứu cho con sống lại. Đức Phật biểu nàng hãy đi tìm một hạt cải ở nhà nào mà chưa có người chết. Nàng Gotami đã tìm từng nhà một, nhà nào cũng có hạt cho nàng nhưng nhà nào cũng có người chết cả. Vì mẹ mợ, nàng Gotami lầm tưởng rằng chỉ một mình nàng là chịu sự đau khổ. Nàng mới hiểu rằng sự chết không chừa một ai, và trong sự ích kỷ đau khổ của một bà mẹ, nàng quên tất cả sự lợi ích của giáo-pháp Phật dạy. Đức Phật đã so sánh đời sống của con người giống như những đồ gốm lần lượt bị đồ vỡ ngoài ý muốn của người thợ gốm, cũng như người cha không thể nào cứu sống cho đứa con của mình! Các bậc Thánh Hiền không bao giờ than khóc nhờ đã hiểu những định lý chi-phối cuộc đời. Nhưng ai muốn tìm an tĩnh của tâm hồn cần phải rút khỏi vết thương cái tên độc của sự than khóc: nàng Kisha Gotami đã tìm được nguồn an ủi trong giáo pháp Phật dạy và được sự bình tĩnh của tâm trí trong khi bước trên con đường giải thoát sự đau khổ »

Vị Đại-Đức im lặng không nói nữa, những tiếng hờn-thức của nàng thiếu-phụ bớt dần và trong một lúc cả vũ-trụ như chung sống với sự tràn đầy trong lòng nàng. Vị Tăng-già liền đi vào trong nhà, và không ngoảnh mặt lại, vị ấy nói qua với chúng tôi: « Người thiếu-phụ vì mẹ mờ nên phải đau khổ ».

Còn người thiếu-phụ thời gắng gương đứng dậy và sửa soạn các món cúng dường. Nàng đã được đi trên con đường mới lạ, con đường được giáo-lý soi sáng con đường mẹ mờ tối tăm mà nàng phải sống khổ-số kia, nay tiêu tan không còn nữa. Và bắt đầu từ nay nàng có thể hưởng được nhiều kết-quả tốt đẹp vì nàng đã biết sống theo lời Phật dạy.

Riêng vị Tăng-già, đã hành-động đúng với tinh thần của đạo Phật và đúng với địa-vị của một nhà xuất-gia, trình bày sự thật rõ ràng thiết-thực, với một thái độ an-tĩnh, thanh thoát, thân nhiên đúng như lời dạy của chư Phật.

4) Pháp bảo với vị thầy tu mù.

Trong một dịp khác, tôi được rõ giáo lý vô ngã rất được tất cả các vị xuất gia hiểu biết và thực-hành. Chính trong lúc chúng tôi đang in Tam tạng kinh-điền bằng chữ Ba-Lý với bản dịch. Tin ấy được truyền rộng khắp trong nước, và nhiều lần chúng tôi bị chặn hỏi giữa đường, để mọi người được xem qua các bản đã in. Một ngày kia, trên con đường vắng vẻ đầy cát bụi và ánh nắng xa hẵn mọi sự huyên náo của thôn lạc, tôi gặp một vị Thầy Tu già và mù do một thằng con nít dắt đi, trên vai treo bình bát để khát thực. Chúng tôi đứng lại và xin dắt vị ấy đến xóm làng gần như ở đó.

Khi được biết chúng tôi có đem theo một vài quyển Kinh vị Thầy tu tuy bị mù cũng xin xem cho được một trong những quyển đem theo. Khi người đệ tử nhỏ tuổi, với tất cả sự cẩn-thận có thể có được, đặt quyển sách trong tay, vị xuất-gia liền run lên vì cảm-động; và ngừng mặt lên trời, vị ấy từ từ giở một vài trang và bỗng nhiên, hình như mắt được thấy trở lại hay có một ánh sáng nội tâm cho phép đọc thấy trong sách, với một giọng run rẩy và một tay chỉ trên một câu kệ, vị Tu hành đọc một vài câu kệ, như sau này :

Sable dhamma anattāli

Yadā pannaya passati

Atha nibbindati dukkhe

Esa maggo visuddhiya

« Đức Phật dạy rằng các pháp là vô ngã vô thường »

« Nếu nhờ trí tuệ, con người hiểu được sự thật ấy »

« Con người sẽ liền trên con đường giải-thoát »

Rồi vị tu-hành xếp sách, đưa lại cho đứa con nít không chờ đợi ai liền xách gậy bước đi.

Vị ấy nào có cần gì sự giúp đỡ về vật chất của chúng tôi nữa vì đã từ lâu, luôn luôn tiến bước trên con đường giải thoát.

Vị ấy đã tìm được trong quyển sách này, một trong những sự thực quan trọng mà đức Phật đã dạy và vị ấy đã được sống thắm nhuần những tu-tướng chơn chánh đúng với chân lý ấy, nhờ vậy mọi vật xung quanh đối với nhà tu-hành đều không có một giá trị gì.

Những ai tưởng lầm rằng đạo Phật chỉ dành riêng cho một thiểu-số trí-thức ở Âu-Châu cũng như ở Á-

Châu, hay cho rằng đạo Phật ở Á-Đông đã biến thành một sự cúng vái cầu khấn như các tôn-giáo khác dân chúng mê mờ chỉ biết đốt hương biện lễ cúng trước các đức Phật để chỉ cầu các đức Phật ban cho những ao ước... một vài chuyện lượm lặt trong đời sống hằng ngày của tôi trên đây cũng đủ chứng tỏ rằng những lời dạy của đức Phật Thích-Ca ăn sâu vào trong tâm hồn dân-chúng Á-đông, đã ảnh-hưởng đến tư-tưởng, và cử-chỉ hành-động một cách thiết thực. Và không phải là không có lợi ích kết-quả gì mà các đệ-tử của đức Phật tụng đọc bài kệ sau đây, trải qua rất nhiều thế-kỷ.

«Chúng con chỉ có đức Phật là chỗ quy-y cao quý nhất»

«Mong rằng sự quy-y ấy đem lại cho chúng con»

«Sự chiến thắng các điều ham muốn của giác-quan»

«Với tất cả kết quả tốt đẹp của sự chiến-thắng ấy»

DIỄN - VĂN

của Thầy Chánh-Hội-Trưởng Tổng-Trị-Sự Hội Việt-Nam Phật-Học đọc trong dịp lễ Khai-Mạc Tổng-Hội-Đồng Thường-Niên thứ 19, tại Hội-Quán Chùa Từ-Đàm.

NAM MÔ BỒN-SƯ THÍCH-CA MÂU-NI-PHẬT

Kính Bạch :

Quý Ngài Chứng-Minh Đại Đạo-Sư,
Quý Ngài Đại-Đức trong Sơn Môn,
Quý Thầy Giảng-Sư,

Kính Thưa :

Quý Vị Thiện-Tri-Thức,
Quý Vị Sáng-lập Hội-viên,
Quý Vị Đại-biêu và toàn-thể Hội-hữu,

Cũng như những năm về trước, lễ Khai-mạc Tổng-Hội-Đồng Thường-Niên của Hội Việt-Nam Phật-Học năm nay cứ-hành tại Chùa Hội-Quán Từ-Đàm với quang-cảnh tuy đơn-giản, nhưng vẫn không kém phần trang-nghiêm, với tinh-thần tu học kiên-cố của toàn-thể Hội-hữu, làm chúng tôi vô-cùng hân-hoan và cảm-động.

Bạch Quý Ngài,

Chúng tôi rất vinh-dự được quý Ngài không quản tuổi già sức yếu quang-lâm dự Tổng Hội-Đồng Hội chúng tôi năm thứ 19 này; chúng tôi lại vinh-dự hơn nữa là được quý Ngài mãn-cổ diu-dắt chúng tôi

trên đường Đạo, từ trước đến nay cũng như về sau này, đã vì mục-dịch lợi tha không ngừng ra công tấn-dần sự tu học của chúng tôi cho ngày càng phát-triển, đối với công-đức cao dày ấy, chúng tôi chỉ biết xin niệm ân bằng cách tinh-tiến đến chỗ thuần-thành của người Phật-tử, bằng cách cầu-nguyện chư Phật gia-hộ cho pháp-thê quý Ngài hằng thanh-tịnh để tiêu-biểu nền đạo đức chân-chánh và nhờ đó, chúng tôi hy vọng thực hiện dễ dàng nhiệm vụ mình trong việc truyền bá Phật Pháp; cũng nhờ đó, chúng tôi tin tưởng toàn thể hội hữu chúng ta sẽ đều được đượm nhuần Pháp nhũ :

Kính thưa Quý Vị Thiện-Tri-Thức,

Chúng tôi rất hân-hạnh được tiếp quý Vị dưới mái giảng đường này trong một bầu không-khí thanh-dạm, sự hiện-diện của quý Vị làm lễ khai-mạc Tổng-Hội-Đồng của chúng tôi được tăng thêm phần long-trọng.

Thưa Quý Hội-Hữu,

Nhân dịp sự có mặt của quý Vị Đạo hữu và Đại-biểu các Tỉnh-Hội, chúng ta cũng nên nhắc qua lịch-sử và đường lối của Hội trong 19 năm qua.

Hội Việt-Nam Phật Học thành-lập đến nay đã 19 năm, do 3 Ngài Trưởng-Lão Hòa-Thượng và 17 Vị Cư-Sĩ, vì không muốn cho đa số đồng-bào lúc bấy giờ say-dắm, sa-ngã trong văn-minh vật-chất, đã cùng nhau cố-gắng vượt qua bao nhiêu trở-ngại thành-lập một Hội TU và HỌC theo đạo PHẬT để hướng-dẫn những tâm-hồn lạc-loài lầm lữ trở về với Chánh-Pháp, tìm phương giải thoát dưới ánh từ-quang của Đức Đại Giác-Ngộ của muôn loài.

Hội chúng ta trong thời quá khứ cũng như hiện tại vị lai, hàng triệu Hội-viên đều một dạ trung-thành vẫn theo đúng cái mục-dịch không thay đổi ấy.

Trải qua một thời-gian như thế, với cuộc diện khác nhau, nước nhà tuy có nhuộm pha nhiều trạng thái bất thường mà lịch sử đã ghi được lăm trang đặc biệt, dân sự tuy phải phụ họa với những nổi thăng trầm của thời thế nhưng Phật-Pháp từ ngàn xưa đã là tuyệt đối, nên không còn đổi thay, trước thay đổi nhỏ nhặt của đời. Và một Hội do Phật-Pháp cầm đầu như Hội Việt-Nam Phật-Học chúng ta, lẽ tất nhiên bao giờ cũng như bao giờ, phải hướng thẳng theo cái đích cao ấy.

Học và làm theo cái Trí-Huệ của Phật, học và làm theo lòng Từ-Bi của Phật, học và làm theo cái Dũng-Lực của Phật để độ mình và giúp người; cho nên là Phật-Tử, Hội-hữu chúng ta ở trong khuôn-khò ấy, chỉ biết tinh-tiến tu hành để ngày một được gần thêm Vị Đại-Giác, vì đó là bôn-nguyên duy-nhất của chúng ta. Đứng trên ba quan-điểm nói trên, chúng ta không biết làm gì khác hơn, bởi chính tự riêng mình, ai cũng không thể làm khác được. Đạo Phật không có nhiều màu sắc nhất thời như thế-nhân thường tạo để tranh chấp mà gây thành thãm-trạng. Nếu phải nói là sắc, ấy chỉ là sắc kim-quang, nếu phải bảo là màu, ấy chỉ là màu vàng chói, phát tự trí kim-cương, chiếu từ thân kim-sắc, biến đổi thế-tục thành cõi hoàng-kim mà người người thấy đều quy-ngưỡng.

Tôn-chỉ, mục-dịch của Hội chúng ta là như thế. Biết, tin và làm theo cũng chỉ có thể toàn-thể Hội-hữu chúng ta người trước kẻ sau, lớp này đến lớp khác, mặc dầu trở ngại đến đâu, trên con đường tu học của Hội đã vạch, luôn luôn tự hứa vững vàng. Và sự thật, thời gian đã chứng minh cho chúng ta.

Thư Quý Đạo Hữu

Chúng ta rất sung sướng từ trước đến nay đã theo đúng mục đích cao quý của Hội chúng ta, mặc dầu phải đối phó với bao nhiêu trở lực, khó-khăn, bao nhiêu thử thách trong việc tu học, chúng ta vẫn luôn luôn giữ được cái chân tinh thần Phật Giáo, không nản chí, không chuyển lòng, lúc nào cũng như lúc nào, cố giữ vững nhiệm vụ thiêng liêng của một hội viên chân chính là chỉ biết tu và học Phật, đồng thời khuyến khích cho người khác biết tu và học Phật như chúng ta. Rất nhiều Đạo hữu đã đặt cả lợi tha trên tự lợi để cảm hóa và làm gương mẫu cho các bạn đồng hành

Mười chín năm qua, nơi đâu các hặc đàn anh, chúng ta tự mừng rằng dầu trong thời bình hay loạn, tinh thần tu học của Hội viên Hội Việt - Nam Phật - Học, nếu ai không tăng tiến, thì ít ra cũng vẫn giữ được mức thăng bằng kiên cố.

Chúng ta có thể nói rằng từ chỗ sơ-sơ đến kỳ thuần-thục, hầu hết Hội-viên Hội Việt-Nam Phật-Học đã tự biết gây dựng lấy một căn bản, và riêng mình cố gắng cung ứng sự hữu ích chung trong mọi giai tầng xã hội. Sự hữu ích chung cho mọi người càng phát triển chừng nào, thì cái vinh dự riêng cho Hội lại càng được vang dội thêm chừng ấy, cho nên không tiêu tài, không uy thế mà một tiếng gọi phải nghĩa của Hội, là hàng triệu người nghe, một việc làm đúng Chánh Pháp là hàng triệu người làm, nên hiện nay Hội Việt Nam Phật Học với một cơ sở vững vàng, với một tinh thần chắc chắn, với một lịch trình truyền bá Phật Giáo vẻ vang, không những trong toàn quốc Việt nam đã chiếm một địa vị khá quan, mà đối với các nước ngoài cũng đang được lưu ý.

Ngoài việc xuất bản báo chí, kinh sách làm phương tiện cho sự hoằng đạo, đem tín tâm của các hàng Phật tử trở về với chánh tín. Hội vẫn không hề ngừng hoặc chậm trễ công việc giáo dục con em Hội viên với thể thức Phật - hóa gia đình, và vẫn cố phát triển các vấn đề cứu - tế, xã hội với tánh cách từ-thiện rất vô tư, mà mục đích chỉ là để thâu hẹp đời phần đau khổ của mọi người về tinh thần cũng như vật chất.

Những thành tích ấy, những kết quả ấy, nếu thật đáng gọi là vẻ vang chẳng nữa, thì chúng ta tin rằng đấng có Phật-lực gia hộ chúng ta, đã nhờ lối tôn chức hoàn thiện của Hội, nhờ công đức hoằng hóa của quý Ngài Đại Đức, quý Thầy Giảng Sư, và cũng nhờ đạo tâm chính đáng vững bền của các hàng Hội-hữu.

Bạch quý Ngài.

Chúng tôi đã lạm nhiều thì giờ quý hóa của quý Ngài để lược trình tổng quát tiểu sử và tình hình của Hội chúng tôi, mà chưa báo cáo công việc của Tổng Trị Sự trong niên khóa vừa qua. Chúng tôi xin đề các tiêu ban chuyên môn tuân tự phụ trách công việc ấy theo từng ngành riêng của mình, sau khi Đạo hữu Chánh Thư ký đọc bản tường trình những hoạt động Phật sự của các Tỉnh Hội và Chi Hội.

Thưa Quý Vị Đại biểu,

Trong một năm qua, chúng tôi nhận thấy các Tỉnh Hội và Chi Hội có nhiều Phật sự tiến triển khả quan chứng tỏ rằng quý Tỉnh Hội và Chi Hội đã tận tụy vì Hội, vì Đạo, chúng tôi xin tán thán công đức

Riêng về Chi Hội Di Linh, tuy trước đã là Tỉnh Hội Đồng Nai Thượng, nhưng vì trong lúc tiến hành Phật sự gặp phải nhiều trở lực, nên theo Nghị-Định của Tổng

Trị Sự, tạm cải làm Chi Hội phụ thuộc với tỉnh Hội Lâm-Viên.

Nay xét tình trạng của Chi Hội ấy đã được chỉnh đốn lại, nên Tổng Trị Sự đã y việc tái lập thành Tỉnh Hội Đồng-Nai-Thượng như cũ, để các đạo hữu trong Tỉnh Hội ấy thuận tiện hoạt động và trực tiếp với Tổng Trị sự như các Tỉnh Hội. Tỉnh Hội Khánh-Hòa đương ở trong thời kỳ chỉnh-đốn. Còn Tỉnh Hội Bình Thuận thì gần một năm nay không có thư từ giao thiệp với Tổng Trị Sự, có lẽ vì những lý do bản vị địa phương mà Tổng Trị Sự chưa trực tiếp giải quyết được đó thôi, chắc cũng không có gì đáng lo ngại lắm.

Mới đây Tổng-Trị-Sự đã cử một Phái Đoàn đại-diện Tổng Trị-Sự đi chấn-chỉnh công-việc của các Tỉnh-Hội và Chi-Hội miền Nam Trung-Việt, chúng tôi sẽ nhờ Thầy Thích Trí Quang thuyết trình với Tổng-Hội-Đồng hôm nay.

Về phần Tổng-Trị-Sự chúng tôi trong niên-khoá vừa qua thật chưa có một công trình gì đặc sắc mà lại còn nhiều khuyết điểm, xin do toàn-quyền Tổng-Hội-Đồng phê-phán. Tuy thế, chúng tôi vẫn không quên thành kính ghi công đức của các cấp trị-sự đã chung lo việc đạo trong niên khoá vừa qua với chúng tôi, và ước ao rằng các đạo hữu chưa vào Ban Trị-Sự sẽ sốt sắng tham gia, để chúng ta ai ai cũng luân phiên chung chia, gánh vác việc Phật một cách có hiệu lực hơn.

Là Phật tử, chúng ta đều không có quyền thờ ơ trước sự hưng suy của Phật-giáo, gặp khi hưng chúng ta hãy vui mừng phất cao ngọn cờ truyền Đạo. Phải lúc suy, chúng ta lại kề vai, sát cánh, binh-lính, hy-sinh nhiều vào trong sự chấn-hưng.

Là Hội viên của một Hội chủ-trương tu học theo chánh-pháp, chúng ta không có quyền vô tình trước những trở ngại của Hội mà tất cả cố làm lo lắng, đem hết bôn

phận luôn luôn góp tài góp lực để san bản, để thành công nhiệm vụ của mình đối với Hội.

Và một khi đã tự nhận là con của đảng Đại-Trí, Đại-Từ, Đại-lực, chúng ta ai là kẻ nỡ quên những lời vàng ngọc bất-di của vị cha lành muôn thuở, bằng rắn dạy chúng ta, để riêng mình chịu mang tội vong ân, mà không hết lòng vì Đạo ?

Bạch quý Ngài,

Thưa quý Đạo hữu

Trước khi dứt lời, chúng tôi xin sám hối những sai lầm trong khi thi hành Phật-sự và xin thành tâm cảm tạ sự hiện diện của toàn thể đã làm cho buổi lễ khai mạc được thêm phần long trọng, và một lần nữa xin hân hoan tán thán các ban trị sự các Tỉnh-Hội, Cai-Hội và Khuôn Tịnh-Độ đã cùng một gương mẫu với Tổng-Trị sự, luôn luôn tiến hành Phật-sự đúng theo đường lối của Hội vạch sẵn xưa rày, chí-chuyên hướng thẳng về Chánh Đạo, Đạo Giá:-Ngộ mà tất cả thế-giới hiện đang thiết tha hướng đến, hầu mong được giải-thoát ngoài móng vuốt bạo tàn của Vô-Minh tội-lỗi !

NAM MÔ THƯỜNG TINH TẮN BỒ-TÁT MA-HA-TÁT

Tin Tức

Cuộc nhóm Tổng-Hội-Đồng thường niên thứ XIX
Hội Việt-Nam Phật Học niên-khóa 1954.

Mặc dầu gặp nhiều nỗi khó khăn các Đại-biểu sau này đã về nhóm Tổng Hội Đồng :

I) Các Ngài Chứng Minh, các Ngài Tôn Túc và Đại Đức trong Sơn Môn Tăng-Già gồm 20 vị :

- | | | |
|-----------------------------|---|-------------|
| 1/ Tỉnh-Hội Quảng-Trị | : | 2 đại-biểu |
| 2/ Tỉnh-Hội Thừa-Thiên | : | 70 đại-biểu |
| 3/ Tỉnh-Hội Đà-Nẵng | : | 2 đại-biểu |
| 4/ Tỉnh-Hội Đồng-Nai-Thượng | : | 2 đại-biểu |
| 5/ Tỉnh-Hội Lâm-Viên | : | 2 đại-biểu |

đã họp trong 4 ngày. Tại chùa Từ Đàm các ngày : 20, 21 và tại Hội Quán Tổng Trị Sự các ngày 22 và 23-1-54.

Sau đây là danh sách các vị Chứng-Minh Đại-Đạo-sư toàn Hội:
Ngài Hòa-Thượng chùa Thuyền-Tôn hiệu GIÁC-NHIÊN
Ngài Hòa-Thượng chùa Trường-Vân hiệu TỊNH-KHIẾT
Ngài Hòa-Thượng chùa Tây-Thiên hiệu GIÁC-NGUYỄN

Danh sách các Thầy Giảng-Sư.

- Thầy THÍCH ĐÔN-HẬU
- THÍCH MẬT-NGUYỄN
- THÍCH TRÍ-THỦ
- THÍCH THIÊN-SIÊU
- THÍCH TRÍ-QUANG
- THÍCH TRÍ-TỊNH
- THÍCH THIÊN-MINH
- THÍCH HOÀNG-THƠ
- THÍCH HUYỀN-DUNG
- THÍCH QUẢNG-MINH
- THÍCH THANH-THÙY
- THÍCH MIMH-CHÂU

Danh sách Ban Tổng Trị Sự
niên-khóa 1951

<i>Chánh-Hội Trưởng</i>	THẦY THÍCH TRÍ THỦ
<i>Cố vấn Đạo hạnh</i>	THẦY THÍCH ĐÔN HẬU
<i>Kiểm Duyệt Giáo lý</i>	THẦY THÍCH TRÍ QUANG
<i>Cố vấn</i>	Đ.H. LÊ VĂN ĐỊNH
»	Đ.H. ĐOÀN NẪM
»	Đ.H. TÓN THẮT TÙNG
» <i>kiểm Chánh Thư ký</i>	Đ.H. TRÁNG ĐÌNH
<i>Phó Hội Trưởng</i>	Đ.H. PHAN VĂN PHÚC
»	Đ.H. NGUYỄN ĐÓA
<i>Kiểm lý ngân sách</i>	Đ.H. PHAN CẢNH KẾ
<i>Phó Thư ký</i>	Đ.H. LÊ MỘNG TÙNG
<i>Chương quy</i>	Đ.H. BƯU BÁC
<i>Phó chương quy</i>	Đ.H. TRẦN THỪA
<i>Kiểm soát</i>	Đ.H. HOÀNG UYÊN
»	Đ.H. TÓN THẮT HÀNG
»	Đ.H. NGUYỄN TRI KIÊM
»	Đ.H. THÁI VĂN CHÂU

THƯ - TIN

Xin chân thành cảm tạ các bạn đã gửi bài đến đăng vào Viên Âm. Rất nhiều bài có giá trị. Chúng tôi sẽ theo thứ tự lựa đăng dần.

Kính mong các bạn hoan hỷ.

GIÁ BÁO

Mỗi Số	5\$00
3 Tháng	15\$00
6 Tháng	28\$00
1 Năm	55\$00

GIAO - THIỆP

1) Thư từ bài vở xin gửi :

TÒA - SOẠN VIÊN - ÂM

Số 1-B đường Nguyễn Hoàng - Huế

2) Ngân phiếu và thẻ lệ mua báo xin gửi :

Ô. TÔN - THẮT - HÀNG

Số 1-B đường Nguyễn Hoàng - Huế